

Phần 19
BÁO CÁO VÀ ĐIỀU TRA SỰ CỐ, TAI NẠN TÀU BAY¹

CHƯƠNG A: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	2
19.001 PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH	2
19.002 MỤC ĐÍCH ĐIỀU TRA.....	2
CHƯƠNG B: TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN VỀ BÁO CÁO SỰ CỐ NGHIÊM TRỌNG VÀ TAI NẠN TÀU BAY.....	2
19.009 PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH	2
19.010 PHÂN LOẠI TAI NẠN, SỰ CỐ VÀ VỤ VIỆC AN TOÀN HÀNG KHÔNG.....	2
19.011 BÁO CÁO BAN ĐẦU	3
19.013 CÁC THÔNG TIN TRONG BÁO CÁO BAN ĐẦU.....	3
19.014 LƯU TRỮ VÀ BẢO VỆ CÁC MẢNH VỠ TÀU BAY VÀ HIỆN TRƯỜNG TAI NẠN.....	4
19.015 BÁO CÁO SƠ BỘ TAI NẠN, SỰ CỐ VÀ VỤ VIỆC AN TOÀN HÀNG KHÔNG.....	4
19.016 GIẢI TRÌNH CỦA TỔ BAY	4
19.017 BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐIỀU TRA, GIẢNG BÌNH.....	4
CHƯƠNG C: BÁO CÁO VỤ VIỆC, SỰ CỐ BẮT BUỘC VÀ TỰ NGUYỆN	5
19.020 PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH	5
19.023 ÁP DỤNG CHO CÁ NHÂN VÀ TỔ CHỨC LIÊN QUAN.....	5
19.025 MỤC ĐÍCH CỦA CÁC YÊU CẦU BÁO CÁO	6
19.027 DANH MỤC BÁO CÁO BẮT BUỘC.....	6
19.029 (được bãi bỏ).....	7
19.030 BÁO CÁO TỰ NGUYỆN.....	7
19.033 TỰ BÁO CÁO CÁC VI PHẠM.....	7
19.035 TÍNH BẢO MẬT CỦA BÁO CÁO	8
19.037 SỰ CAM ĐOAN VỀ PHÁP LUẬT	8
19.040 BIỆN PHÁP ĐỐI VỚI GIẤY PHÉP VÀ CHỨNG CHỈ.....	8
19.043 CÁC BIỆN PHÁP CỦA CƠ QUAN CHỦ QUẢN.....	8
CHƯƠNG D: BẢO VỆ CÁC MẢNH VỠ TÀU BAY VÀ CÁC HỒ SƠ	8
19.050 PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH	8
19.053 LƯU GIỮ VÀ BẢO VỆ HIỆN TRƯỜNG.....	9
19.050. DI CHUYỂN MẢNH VỠ	9
19.057 CHẤM DỨT LƯU GIỮ TÀU BAY	9
CHƯƠNG E: ĐIỀU TRA TAI NẠN, SỰ CỐ	10
19.060 PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH	10
19.063 TRÁCH NHIỆM ĐIỀU TRA	10
19.065 TÍNH CHẤT CỦA CUỘC ĐIỀU TRA.....	11
19.067 QUYỀN CỦA NGƯỜI ĐƯỢC PHÒNG VẤN.....	11
19.070 CƠ QUAN ĐIỀU TRA.....	11
19.073 CHỈ ĐỊNH NGƯỜI ĐIỀU TRA CHÍNH	12
19.075 QUYỀN HẠN TIẾP CẬN VÀ CHỈ ĐẠO CỦA NGƯỜI ĐIỀU TRA CHÍNH.....	12
19.079. NGƯỜI ĐIỀU TRA CHÍNH.....	13
19.080 QUYỀN HẠN CỦA THÀNH VIÊN ĐIỀU TRA.....	13
19.083 KHÁM NGHIỆM TỬ THI VÀ GIÁM ĐỊNH Y TẾ.....	13
19.085 THÀNH PHẦN ĐIỀU TRA.....	14
19.087 SỬ DỤNG VÀ DI DỜI CÁC MẢNH VỠ, CÁC HỒ SƠ, THƯ TỬ VÀ HÀNG HÓA.....	14
19.090 THÔNG BÁO CÁC QUỐC GIA LIÊN QUAN	14
19.093 GIẢI MÃ THIẾT BỊ TỰ GHI	15
19.095 SỰ HỖ TRỢ, PHỐI HỢP CỦA CƠ QUAN PHÁP LUẬT	15

¹ Phần này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Phụ lục XVII sửa đổi, bổ sung Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

19.097 THÔNG BÁO CHO CƠ QUAN AN NINH HÀNG KHÔNG	15
19.100 CÔNG BỐ CÁC THÔNG TIN VỀ TAI NẠN HOẶC SỰ CỐ.....	15
19.103 THÔNG TIN ĐỀ XUẤT	15
19.105 LƯU GIỮ THÔNG TIN, HỒ SƠ.....	16
19.107 ĐIỀU TRA LẠI.....	16
CHƯƠNG F: NGHĨA VỤ QUỐC TẾ CỦA QUỐC GIA ĐIỀU TRA.....	17
19.110 PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH	17
19.113 THÔNG BÁO CÁC QUỐC GIA LIÊN QUAN	17
19.115 THỂ THỨC VÀ NỘI DUNG CỦA THÔNG BÁO SỰ CỐ, TAI NẠN TÀU BAY	17
19.117 NGÔN NGỮ SỬ DỤNG TRONG THÔNG BÁO.....	18
19.120 BỔ SUNG THÔNG TIN LIÊN QUAN.....	18
19.123 HỢP TÁC QUỐC TẾ CỦA CÁC QUỐC GIA LIÊN QUAN	18
19.127 TIỀN HÀNH ĐIỀU TRA.....	18
19.130 PHỐI HỢP THAM GIA VỚI CÁC QUỐC GIA LIÊN QUAN.....	18
19.13. HOÀN THÀNH BÁO CÁO ĐẦY ĐỦ VÀ KỊP THỜI.....	19
CHƯƠNG G: TRÁCH NHIỆM THAM GIA ĐIỀU TRA SỰ CỐ, TAI NẠN TÀU BAY	19
19.140 PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH	19
19.143 SAU KHI NHẬN ĐƯỢC THÔNG BÁO VỀ SỰ CỐ, TAI NẠN TÀU BAY	19
19.145 TRÁCH NHIỆM CUNG CẤP THÔNG TIN LIÊN QUAN	19
19.147 BỔ SUNG THÔNG TIN LIÊN QUAN.....	19
19.150 BẢO VỆ VÀ CUNG CẤP DỮ LIỆU CÁC THIẾT BỊ TỰ GHI	20
19.153 CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC LIÊN QUAN.....	20
19.15. CHỈ ĐỊNH NGƯỜI ĐẠI DIỆN ỦY QUYỀN.....	20
19.157 THỰC HIỆN KHUYẾN CÁO AN TOÀN	20
19.158 BÁO CÁO CHÍNH THỨC	20
CHƯƠNG H: QUYỀN THAM GIA ĐIỀU TRA SỰ CỐ, TAI NẠN TÀU BAY.....	21
19.160 PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH	21
19.163 CÁC QUỐC GIA ĐƯỢC QUYỀN CHỈ ĐỊNH NGƯỜI ĐẠI DIỆN	21
19.165 THÀNH PHẦN THAM GIA ĐIỀU TRA KHÁC.....	21
19.167 CHỈ ĐỊNH CỔ VẤN CHO NGƯỜI ĐẠI DIỆN ỦY QUYỀN	22
19.170 QUỐC GIA CÓ CÔNG DÂN TỬ VONG HOẶC BỊ CHẤN THƯƠNG NGHIÊM TRỌNG	22
CHƯƠNG I: QUYỀN HẠN CỦA CÁC ĐẠI DIỆN ỦY QUYỀN.....	22
19.180 PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH	22
19.183 CÁC ĐẠI DIỆN ỦY QUYỀN VÀ CỔ VẤN.....	22
19.185 SỰ THAM GIA	22
19.187 QUY TRÌNH	23
19.190 PHẠM VI QUYỀN HẠN.....	23
19.193 TRÁCH NHIỆM.....	23
CHƯƠNG K: BÁO CÁO TAI NẠN, SỰ CỐ TÀU BAY.....	23
19.200 PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH	23
MỤC I: THÔNG TIN CHUNG	23
19.203 MỤC TIÊU AN TOÀN BAY.....	23
19.205 NGÔN NGỮ	24
19.207 CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU KHI CHẤP THUẬN.....	24
MỤC II: BÁO CÁO SƠ BỘ.....	24
19.210 BÁO CÁO SƠ BỘ.....	24
19.213 TAI NẠN TÀU BAY CÓ TẢI TRỌNG TRÊN 2. 50KG	24
19.215 TAI NẠN TÀU BAY CÓ TẢI TRỌNG DƯỚI 2. 50KG	24
19.217 GỬI BÁO CÁO ĐÚNG THỜI HẠN	24
MỤC III: BÁO CÁO DỮ LIỆU SỰ CỐ, TAI NẠN TÀU BAY.....	25
19.220 BÁO CÁO DỮ LIỆU SỰ CỐ, TAI NẠN TÀU BAY	25
19.223 TAI NẠN TÀU BAY CÓ TẢI TRỌNG TRÊN 2. 50KG	25

19.225 THÔNG TIN BỔ SUNG.....	25
19.227 SỰ CỐ TÀU BAY CÓ TẢI TRỌNG TRÊN 5700 KG	25
MỤC IV: BÁO CÁO CHÍNH THỨC	25
19.230 BÁO CÁO CHÍNH THỨC.....	25
19.233 THAM KHẢO Ý KIẾN CÁC QUỐC GIA KHÁC	25
19.235 ĐỀ NGHỊ ĐÓNG GÓP Ý KIẾN TỪ CÁC TỔ CHỨC KHÁC	26
19.237 TIẾP THU CÁC Ý KIẾN ĐÓNG GÓP	26
19.240 CÁC QUỐC GIA NHẬN BÁO CÁO CHÍNH THỨC	26
19.243 CÔNG BỐ BÁO CÁO CHÍNH THỨC.....	26
19.245 KHUYẾN CÁO AN TOÀN	27
19.247 TRƯỜNG HỢP LIÊN QUAN ĐẾN TÀI LIỆU ICAO.....	27
PHỤ LỤC I ĐIỀU 19.010: PHÂN LOẠI TAI NẠN, SỰ CỐ VÀ VỤ VIỆC AN TOÀN HÀNG KHÔNG.....	28
PHỤ LỤC 2 ĐIỀU 19.010: DANH MỤC CÁC SỰ CỐ NGHIÊM TRỌNG.....	30
PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 19.023. MẪU BÁO CÁO SỰ CỐ TÀU BAY	32
PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 19.027. BÁO CÁO BẮT BUỘC KHAI THÁC BAY	33
PHỤ LỤC 2 ĐIỀU 19.027: BÁO CÁO BẮT BUỘC KỸ THUẬT TÀU BAY.....	36
PHỤ LỤC 3 ĐIỀU 19.027: BÁO CÁO BẮT BUỘC BẢO DƯỠNG TÀU BAY	40
PHỤ LỤC 4 ĐIỀU 19.027: BÁO CÁO BẮT BUỘC ĐỐI VỚI ĐIỀU HÀNH BAY VÀ CÁC DỊCH VỤ MẶT ĐẤT	41
PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 19.029:(<i>được bãi bỏ</i>).....	43

CHƯƠNG A: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

19.001 PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

- a. Phần này đưa ra các quy định đối với:
1. Công tác điều tra sự cố, tai nạn tàu bay mà Cục Hàng không Việt Nam được ủy quyền thực hiện;
 2. Thông báo ban đầu, điều tra, phân tích và báo cáo sự cố, tai nạn tàu bay và một số sự cố khác trong quá trình khai thác tàu bay:
 - i. Mang đăng ký quốc tịch Việt Nam xảy ra tại bất kỳ nơi nào;
 - i. . Mang đăng ký nước ngoài xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam.
 3. Bảo vệ hiện trường, bưu kiện, hàng hóa và các hồ sơ liên quan đến các tai nạn tàu bay dân dụng và công vụ trên lãnh thổ Việt Nam;
 4. Tuân thủ với các tiêu chuẩn quốc tế về báo cáo tai nạn và sự cố.
- b. Phần này áp dụng đối với:
1. Các tổ chức và Người khai thác thực hiện khai thác tàu bay hoặc cung cấp dịch vụ đảm bảo khai thác an toàn của tàu bay;
 2. Các tổ chức Chính phủ cần thiết để đảm bảo việc báo cáo và điều tra tai nạn tàu bay được thực hiện kịp thời và đúng quy định.
- c. Phần này còn áp dụng đối với:
1. Các cá nhân có liên quan tới việc khai thác an toàn của tàu bay;
 2. Cộng đồng dân cư nơi có thông tin liên quan đến việc điều tra sự cố, tai nạn tàu bay;
 3. Các nhân viên kỹ thuật tham gia vào công tác điều tra.

19.002 MỤC ĐÍCH ĐIỀU TRA

- a. Mục đích của công tác điều tra sự cố, tai nạn tàu bay là ngăn ngừa sự cố, tai nạn tàu bay.
- b. Việc điều tra sự cố, tai nạn tàu bay không nhằm mục đích xác định lỗi hoặc quy trách nhiệm pháp lý đối với cá nhân.

CHƯƠNG B: TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN VỀ BÁO CÁO SỰ CỐ NGHIÊM TRỌNG VÀ TAI NẠN TÀU BAY

19.009 PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH²

Chương này áp dụng đối với người khai thác tàu bay, tổ chức bảo dưỡng tàu bay, tổ chức cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay, người khai thác cảng hàng không, sân bay và các cá nhân liên quan có thông tin về sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay xảy ra trong không phận Việt Nam hoặc tàu bay mang quốc tịch Việt Nam hoặc do Người khai thác tàu bay Việt Nam khai thác.

19.010 PHÂN LOẠI TAI NẠN, SỰ CỐ VÀ VỤ VIỆC AN TOÀN HÀNG KHÔNG³

- a. Tai nạn, sự cố và vụ việc an toàn hàng không được phân loại theo các mức A (tai nạn), B, C, D (sự cố) và E (vụ việc) phụ thuộc vào tính chất, mức độ quy định cụ

² Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 2 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

³ Điều này được sửa đổi theo quy định tại Mục 3 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

thể tại Phụ lục I của Điều này phù hợp với quy định của Tổ chức hàng không dân dụng thế giới (ICAO) tại Tài liệu Doc 9156 Phụ ước 13.

b. Danh mục các sự cố nghiêm trọng được quy định tại Phụ lục 2 Điều 19.010.

19.011 BÁO CÁO BAN ĐẦU⁴

a. Tai nạn tàu bay, sự cố nghiêm trọng (Mức B) và sự cố nguy cơ uy hiếp an toàn cao (Mức C) phải được báo cáo tới Cục HKVN ngay lập tức hoặc ngay khi có thể bằng các phương tiện thông tin liên lạc thuận tiện nhất theo yêu cầu sau:

1. Người khai thác tàu bay dân dụng đăng ký quốc tịch Việt Nam hoặc tàu bay công vụ không vì mục đích quân sự hoặc tàu bay đăng ký quốc tịch nước ngoài khi khai thác trên lãnh thổ Việt Nam phải thông báo ngay lập tức về tai nạn, sự cố nghiêm trọng (Mức B) và sự cố có nguy cơ uy hiếp an toàn cao (Mức C) đối với tàu bay do mình khai thác;

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay báo cáo ngay về tai nạn, sự cố nghiêm trọng (Mức B) và sự cố nguy cơ uy hiếp an toàn cao (Mức C) xảy ra trong công tác cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay trong vùng trời Việt Nam và vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý;

3. Người khai thác Cảng hàng không, sân bay báo cáo ngay về tai nạn, sự cố nghiêm trọng (Mức B) và sự cố nguy cơ uy hiếp an toàn cao (Mức C) xảy ra tại cảng hàng không sân bay, đồng thời thông báo cho Cảng vụ hàng không;

4. Cảng vụ hàng không báo cáo về các tai nạn, sự cố nghiêm trọng (Mức B) và sự cố nguy cơ uy hiếp an toàn cao (Mức C) xảy ra trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ.

b. Yêu cầu báo cáo ban đầu này còn được áp dụng cho trường hợp quá thời hạn quy định về báo cáo mà tàu bay chắc chắn là đã bị lâm nạn.

c. Báo cáo ban đầu có thể được lập cho cơ quan không lưu gần nhất hoặc bộ phận thông tin chuyến bay hoặc Cục HKVN theo quy định của AIP.

19.013 CÁC THÔNG TIN TRONG BÁO CÁO BAN ĐẦU⁵

Báo cáo ban đầu được yêu cầu phải bao gồm các thông tin sau:

1. Loại tàu bay, quốc tịch tàu bay và số đăng ký của tàu bay;
2. Tên chủ sở hữu và Người khai thác tàu bay;
3. Họ và tên của người chỉ huy tàu bay;
4. Ngày, giờ xảy ra sự cố hoặc tai nạn;
5. Điểm khởi hành cuối cùng và điểm dự kiến hạ cánh tiếp theo của tàu bay;
6. Vị trí của tàu bay với tham chiếu tới một vài địa điểm địa lý xác định;
7. Số người trên tàu bay, số người tử vong và số người bị thương nặng;
8. Tính chất của tai nạn, thời tiết và mức độ hư hỏng của tàu bay cũng như những thông tin khác;
9. Mô tả về bất kỳ các chất nổ, các vật liệu phóng xạ hoặc hàng nguy hiểm khác vận chuyển theo tàu bay.

⁴ Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 4 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

⁵ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 5 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

19.014 LƯU TRỮ VÀ BẢO VỆ CÁC MẢNH VỠ TÀU BAY VÀ HIỆN TRƯỜNG TAI NẠN

a. Người khai thác và người chỉ huy tàu bay phải đảm bảo rằng các mảnh vỡ tàu bay và hiện trường tai nạn được bảo vệ và lưu trữ phù hợp với các quy định tại Chương D của Phần này.

b. Người khai thác tàu bay phải đảm bảo trong phạm vi có thể lưu trữ dữ liệu của các thiết bị tự ghi liên quan và duy trì sự canh giữ an toàn trong thời gian chờ xử lý theo quy định của Phần này trong trường hợp tàu bay lâm nạn.

19.015 BÁO CÁO SƠ BỘ TAI NẠN, SỰ CỐ VÀ VỤ VIỆC AN TOÀN HÀNG KHÔNG⁶

a. Báo cáo sơ bộ về tai nạn, sự cố và vụ việc an toàn hàng không phải được gửi đến Cục HKVN theo thời gian được quy định như sau:

1. Báo cáo sơ bộ về tai nạn (mức A) trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra tai nạn;
2. Báo cáo sơ bộ về sự cố nghiêm trọng (mức B) trong vòng 48 giờ kể từ khi xảy ra sự cố nghiêm trọng;
3. Báo cáo sơ bộ sự cố khác (Mức C và D) và vụ việc an toàn hàng không trong vòng 72 giờ kể từ khi xảy ra sự cố, vụ việc.

19.016 GIẢI TRÌNH CỦA TỔ BAY

a. Thành viên tổ bay có mặt tại thời điểm báo cáo chính thức được đệ trình phải có kèm theo giải trình lại các diễn biến, điều kiện và tình huống của tai nạn hoặc sự cố đã được chứng kiến.

b. Trong trường hợp thành viên tổ bay chưa thực hiện giải trình được tại thời điểm báo cáo, các giải trình phải được thực hiện ngay khi có thể.

19.017 BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐIỀU TRA, GIẢNG BÌNH⁷

a. Người khai thác tàu bay, tổ chức cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay và người khai thác cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm báo cáo kết quả điều tra, giảng bình đối với các sự cố mức C, D và vụ việc an toàn hàng không trong vòng 30 ngày với các nội dung cụ thể như sau:

- a) Các thông tin bổ sung cần thiết về tai nạn, sự cố hàng không đã được báo cáo;
- b) Diễn biến tai nạn, sự cố hàng không theo trình tự thời gian;
- c) Phân tích, đánh giá, các phát hiện và kết luận về nguyên nhân tai nạn, sự cố hàng không;
- d) Các khuyến cáo an toàn và các biện pháp khắc phục.

⁶ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 6 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

⁷ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 7 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

CHƯƠNG C: BÁO CÁO VỤ VIỆC, SỰ CỐ BẮT BUỘC VÀ TỰ NGUYỆN

19.020 PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

a. Chương này quy định các yêu cầu và nguyên tắc chung cho việc thực hiện và quản lý diễn biến của quá trình báo cáo vụ việc, sự cố tự nguyện và bắt buộc khi việc thực hiện các báo cáo này được quy định tại Bộ QCATHK.

b. Các yêu cầu chung của Chương này áp dụng cho các báo cáo vụ việc, sự cố được quy định trong các Phần của Bộ Quy chế này.

c. Các yêu cầu báo cáo của Chương này là bắt buộc cho các tổ chức, cá nhân có liên quan tới vụ việc, sự cố xảy ra đối với:

1. Tàu bay khai thác theo Giấy chứng nhận Người khai thác tàu bay do Cục Hàng không Việt Nam cấp;

2. Tàu bay có động cơ tuốc-bin có Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay do Cục Hàng không Việt Nam cấp.

d. Tổ chức cung cấp dịch vụ hoặc cơ sở vật chất cho việc khai thác tàu bay bay qua hoặc trên lãnh thổ Việt Nam có trách nhiệm báo cáo vụ việc, sự cố xảy ra đối với tàu bay do tổ chức đó phục vụ không phụ thuộc vào quốc tịch đăng ký của tàu bay.

19.023 ÁP DỤNG CHO CÁ NHÂN VÀ TỔ CHỨC LIÊN QUAN

a. Các yêu cầu báo cáo bắt buộc của Chương này áp dụng cho các tổ chức, cá nhân tham gia vào công tác:

1. Khai thác, bảo dưỡng và hỗ trợ khai thác tàu bay đăng ký quốc tịch Việt Nam trên các khu vực mà tàu bay bay tới;

2. Khai thác, bảo dưỡng và hỗ trợ khai thác tàu bay hoạt động tại Việt Nam;

3. Cung cấp dịch vụ cho tàu bay và tổ bay trong không phận do Việt Nam kiểm soát và các cảng hàng không, sân bay trên lãnh thổ Việt Nam.

b. Tổ chức, cá nhân trong phạm vi điều chỉnh của Chương này bao gồm:

1. Người khai thác và tổ lái của tàu bay động cơ tuốc-bin có Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay do Cục Hàng không Việt Nam cấp;

2. Người khai thác và tổ lái của tàu bay khai thác theo Giấy chứng nhận Người khai thác tàu bay do Cục Hàng không Việt Nam cấp;

3. Tổ chức, cá nhân thực hiện công việc chế tạo tàu bay động cơ tuốc-bin hoặc các thiết bị của tàu bay động cơ tuốc-bin được sử dụng cho mục đích vận tải hàng không thương mại tại Việt Nam;

4. Tổ chức, cá nhân thực hiện công tác bảo dưỡng, cải tiến kỹ thuật đối với tàu bay động cơ tuốc-bin, thiết bị tàu bay trên tàu bay động cơ tuốc-bin có Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay do Cục Hàng không Việt Nam cấp;

5. Tổ chức, cá nhân thực hiện công việc bảo dưỡng hoặc cải tiến kỹ thuật tàu bay, thiết bị lắp trên tàu bay được khai thác theo Giấy chứng nhận Người khai thác tàu bay do Cục Hàng không Việt Nam cấp;

6. Cá nhân ký Chứng chỉ rà soát bảo dưỡng hoặc ký xác nhận hoàn thành bảo dưỡng quy định tại Phần 20 của Bộ QCATHK đối với tàu bay động cơ tuốc-bin có Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay do Cục Hàng không Việt Nam cấp; người ký xác nhận hoàn thành bảo dưỡng đối với các thiết bị tàu bay của loại tàu bay động cơ tuốc-bin có Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay do Cục Hàng không Việt Nam cấp;

7. Cá nhân ký Chứng chỉ rà soát bảo dưỡng hoặc ký xác nhận hoàn thành bảo dưỡng quy định tại Phần 20 của Bộ QCATHK này đối với tàu bay động cơ tuốc-bin hoạt động theo Giấy chứng nhận khai thác tàu bay do Cục Hàng không Việt Nam cấp; người ký xác nhận hoàn thành bảo dưỡng đối với các thiết bị tàu bay của loại tàu bay động cơ tuốc-bin hoạt động theo Giấy chứng nhận khai thác tàu bay do Cục Hàng không Việt Nam cấp;

8. Cá nhân thực hiện chức năng được Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy phép hoặc ủy quyền;

9. Người được Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy phép hoặc cán bộ quản lý các cảng hàng không, sân bay được Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy phép;

10. Cá nhân thực hiện chức năng lắp đặt, cải tiến kỹ thuật, bảo dưỡng, sửa chữa, đại tu, hiệu chuẩn các phương tiện dẫn đường hàng không được sử dụng để cung cấp dịch vụ kiểm soát không lưu do Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn;

11. Cá nhân thực hiện chức năng liên quan tới dịch vụ khai thác mặt đất đối với tàu bay bao gồm nạp dầu, vệ sinh, tính toán tải trọng khai thác, chất xếp tải và dỡ tải, phá băng và kéo, dắt tàu bay tại sân bay;

c. Các tổ chức, cá nhân được quy định trong Phần này có trách nhiệm thực hiện báo cáo theo quy định, tuy nhiên mọi tổ chức, cá nhân đều có thể lập báo cáo nếu thấy cần thiết hoặc vì mục đích an toàn hàng không. Mẫu Báo cáo vụ việc, sự cố tàu bay được quy định tại Phụ lục 1 Điều 19.023.

19.025 MỤC ĐÍCH CỦA CÁC YÊU CẦU BÁO CÁO

a. Mục đích của báo cáo sự cố là nhằm ngăn ngừa tai nạn và sự cố thông qua hoạt động thu thập và phổ biến các thông tin an toàn tương ứng và không nhằm mục đích quy kết trách nhiệm và đổ lỗi.

b. Các yêu cầu báo cáo bắt buộc góp phần nâng cao an toàn hàng không bằng cách đảm bảo việc báo cáo đầy đủ và tự do các thông tin liên quan đến an toàn được thu thập, lưu giữ, bảo vệ và phân bổ đến đúng nơi quy định.

c. Báo cáo tự nguyện của các cá nhân đóng góp vào sự cải tiến an toàn hàng không liên quan tới an toàn chuyến bay thông qua các tiến trình và chính sách áp dụng cho các yêu cầu báo cáo bắt buộc.

19.027 DANH MỤC BÁO CÁO BẮT BUỘC⁸

a. Cục Hàng không Việt Nam quy định chi tiết các sự cố, vụ việc bắt buộc phải báo cáo theo quy định tại Chương này.

b. Các sự cố, vụ việc bắt buộc báo cáo được sắp xếp theo lĩnh vực đánh giá như sau:

1. Khai thác bay (Phụ lục 1 Điều 19.027);
2. Kỹ thuật tàu bay (Phụ lục 2 Điều 19.027);
3. Bảo dưỡng tàu bay (Phụ lục 3 Điều 19.027);
4. Điều hành bay và các dịch vụ mặt đất (Phụ lục 4 Điều 19.027).

⁸ Tên Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản a Mục 8 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

⁹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản b Mục 8 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

c. Báo cáo vụ việc liên quan đến tàu bay có thể là sự cố gây uy hiếp hoặc nếu không được khắc phục có thể gây uy hiếp đến tàu bay, người trên tàu bay hoặc bất kỳ người nào khác.

d. Người được yêu cầu thực hiện báo cáo sự cố bắt buộc có trách nhiệm thực hiện báo cáo vụ việc mà người đó biết rõ và có thể không trực tiếp liên quan trừ khi người đó có lý do hợp lý để tin rằng thông tin về vụ việc đã được báo cáo bởi người khác.

e. Báo cáo được lập đối với sự cố có liên quan đến hành động hoặc quy trình thiếu sót hoặc không đảm bảo tuy nhiên sự việc này không gây nguy hiểm ngay lập tức cho tàu bay nhưng nếu sự việc tiếp tục tái diễn thì có thể dẫn đến uy hiếp an toàn tàu bay.

19.029 (được bãi bỏ)¹⁰

19.030 BÁO CÁO TỰ NGUYỆN

a. Các tổ chức, cá nhân được khuyến khích và tạo điều kiện thực hiện báo cáo tự nguyện trong toàn bộ các hoạt động khai thác hàng không dân dụng vì mục đích an toàn.

b. Không có sự phân biệt lớn về cách thức tổ chức và quy trình xử lý, lưu giữ giữa các báo cáo tự nguyện và báo cáo bắt buộc.

c. Báo cáo sự cố tự nguyện là báo cáo được thực hiện do tổ chức hoặc cá nhân không yêu cầu phải thực hiện báo cáo theo quy định của Chương này.

d. Các sự cố được báo cáo tự nguyện ban đầu và các bản phân tích tiếp theo sẽ được lưu giữ dưới dạng hạn chế với các thông tin liên quan tới người thực hiện báo cáo.

e. Cục Hàng không Việt Nam sẽ đảm bảo tính bảo mật của những báo cáo tự nguyện và thông tin được đề cập trong những báo cáo này sẽ không được dùng để làm ảnh hưởng tới người thực hiện báo cáo.

19.033 TỰ BÁO CÁO CÁC VI PHẠM

a. Việc tự báo cáo các hành vi vi phạm các quy định được khuyến khích và sẽ không áp dụng các biện pháp chế tài nếu người báo cáo được coi là đã thực hiện tuân thủ với các điều kiện được quy định của khoản b của Điều này.

b. Để đánh giá một sự việc vi phạm đã rõ ràng nằm trong phạm vi điều chỉnh của Chương này, Cục Hàng không Việt Nam phải đảm bảo các điều kiện sau đã được đáp ứng:

1. Các đối tượng điều chỉnh đã thông báo ngay lập tức cho Cục Hàng không Việt Nam các vi phạm đã rõ ràng sau khi được phát hiện trước khi Cục Hàng không Việt Nam nhận biết được chúng thông qua các kênh liên lạc khác.

2. Việc thông báo không được thực hiện trong quá trình điều tra hoặc kiểm tra của Cục Hàng không Việt Nam hoặc liên quan tới tai nạn hoặc sự cố tàu bay.

3. Sự vi phạm quy chế an toàn đã xảy ra ngoài ý muốn.

4. Việc vi phạm quy chế an toàn xảy ra không phải do thiếu kiến thức, kinh nghiệm của các chủ thể bị điều chỉnh.

5. Có hành động kịp thời và đáp ứng các yêu cầu của Cục Hàng không Việt Nam sau khi phát hiện ra vi phạm nhằm chấm dứt các nguyên nhân gây ra các vi phạm

¹⁰ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Mục 9 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

đó.

6. Các đối tượng điều chỉnh đã lập kế hoạch hoặc đang lập kế hoạch thực hiện khắc phục triệt để các vi phạm nhằm đáp ứng các quy định của Cục Hàng không Việt Nam.

7. Việc khắc phục triệt để bao gồm hoạt động tự đánh giá để đảm bảo việc khắc phục các vi phạm đã được thực hiện một cách phù hợp.

8. Việc tự đánh giá sẽ hỗ trợ cho các đợt kiểm tra do Cục Hàng không Việt Nam thực hiện.

19.035 TÍNH BẢO MẬT CỦA BÁO CÁO

a. Tên của người báo cáo hoặc tên của người liên quan trong báo cáo sẽ không bị tiết lộ trừ khi luật pháp yêu cầu hoặc cá nhân có liên quan ủy quyền cho phép tiết lộ.

b. Cục Hàng không Việt Nam phải thực hiện các biện pháp thích hợp để tránh việc nêu danh tính của người thực hiện báo cáo hoặc của các cá nhân liên quan đến báo cáo trong trường hợp các biện pháp kiểm tra, giám sát an toàn được cho là cần thiết phải thực hiện xuất phát từ báo cáo tự nguyện này.

19.037 SỰ CAM ĐOAN VỀ PHÁP LUẬT

Cục Hàng không Việt Nam sẽ không tiến hành khởi kiện các vi phạm không cố ý trong trường hợp chúng được báo cáo theo các điều khoản báo cáo tự nguyện và bắt buộc của Chương này trừ các trường hợp do xao nhãng nhiệm vụ dẫn đến sơ suất lớn.

19.040 BIỆN PHÁP ĐỐI VỚI GIẤY PHÉP VÀ CHỨNG CHỈ

a. Trong trường hợp cần thiết, Cục Hàng không Việt Nam có thẩm quyền theo các Điều ước quốc tế và luật pháp Việt Nam để sửa đổi, thu hồi hoặc đình chỉ giấy phép nếu nhận thấy người giữ giấy phép hoặc chứng chỉ không còn năng lực, điều kiện sức khỏe để thực hiện các quyền hạn và năng định của giấy phép.

b. Nếu báo cáo sự cố chỉ ra rằng người nắm giữ giấy phép không tiếp tục đáp ứng các tiêu chuẩn cấp giấy phép, Cục Hàng không Việt Nam phải thực hiện các biện pháp cần thiết để kiểm tra lại người giữ giấy phép. Mục đích của việc kiểm tra này chỉ phục vụ mục tiêu duy nhất là an toàn và không vì mục đích áp dụng chế tài với người giữ giấy phép.

19.043 CÁC BIỆN PHÁP CỦA CƠ QUAN CHỦ QUẢN

a. Khi sự cố được báo cáo chỉ ra sự sai sót không cố ý của nhân viên, cơ quan chủ quản phải phản ứng có trách nhiệm và chia sẻ quan điểm về việc báo cáo đầy đủ và trung thực là mục đích chính và thực hiện mọi nỗ lực để tránh các hành động có thể ngăn cản việc báo cáo sự cố sau này.

b. Cơ quan chủ quản cần hạn chế việc kỷ luật hoặc trừng phạt có thể dẫn tới việc ngăn cản nhân viên báo cáo các sự cố mà họ được biết, ngoại trừ trường hợp các hành động này là cần thiết để đảm bảo an toàn và tình huống vi phạm là rõ ràng.

CHƯƠNG D: BẢO VỆ CÁC MẢNH VỠ TÀU BAY VÀ CÁC HỒ SƠ

19.050 PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

Chương này áp dụng đối với các cá nhân và tổ chức tiếp cận các mảnh vỡ tàu bay và hồ sơ có liên quan mật thiết đến quá trình điều tra tai nạn hoặc sự cố nghiêm trọng.

19.053 LƯU GIỮ VÀ BẢO VỆ HIỆN TRƯỜNG

a. Các cá nhân tham gia vào công tác tìm kiếm, cứu nạn và điều tra tai nạn tàu bay phải thực hiện các biện pháp thích hợp sau để bảo vệ bằng chứng và duy trì sự canh giữ an toàn đối với tàu bay và nội dung bên trong tàu bay trong khoảng thời gian được xác định là cần thiết cho mục đích điều tra:

1. Bảo vệ hiện vật phải bao gồm cả việc lưu giữ bằng chứng bằng phương pháp chụp ảnh hoặc sử dụng các phương tiện khác trong trường hợp các bằng chứng này có thể dễ bị lấy đi, xóa bỏ, mất mát hoặc bị tiêu hủy;

2. Việc bảo vệ an toàn phải bao gồm công tác bảo vệ không cho phép người không có thẩm quyền tiếp cận, tiếp tục gây hỏng hóc, ăn cắp đồ và gây hư hỏng thêm đối với tàu bay và các nội dung bên trong tàu bay.

b. Người khai thác tàu bay liên quan trong tai nạn, sự cố được thông báo phải chịu trách nhiệm về bảo vệ hiện trường, mảnh vỡ tàu bay, hàng hóa, thư từ trên tàu và tất cả các hồ sơ bao gồm hồ sơ giữa chuyến bay, hồ sơ bảo dưỡng, các thiết bị ghi âm liên quan đến khai thác, bảo dưỡng tàu bay và các nhân viên hàng không cho đến khi bàn giao cho nhà chức trách thực hiện điều tra hoặc khi có lệnh giải phóng hiện trường.

c. Người khai thác tàu bay có liên quan đến tai nạn, sự cố tàu bay phải lưu giữ hồ sơ, báo cáo, tài liệu nội bộ và các biên bản ghi nhớ liên quan đến sự cố, tai nạn tàu bay cho tới khi được cơ quan điều tra có thẩm quyền cho phép việc tái sử dụng.

19.050. DI CHUYỂN MẢNH VỠ

a. Việc di dời hoặc xáo trộn các mảnh vỡ của tàu bay, hàng hóa, thư tín trước khi cơ quan điều tra có thẩm quyền hoặc người được ủy quyền tiếp nhận hiện trường được phép thực hiện khi:

1. Vì mục đích di chuyển người bị thương hoặc bị kẹt;
2. Bảo vệ các mảnh vỡ khỏi bị hư hỏng;
3. Bảo vệ cho cộng đồng khỏi bị thương.

b. Khi cần thiết phải di dời các mảnh vỡ tàu bay, thư từ, hàng hóa phải phác thảo, ghi chép và chụp ảnh để đánh dấu các vị trí và tình trạng ban đầu của các mảnh vỡ và những gì quan trọng khác nếu có thể.

c. Trong trường hợp người đại diện chính thức của quốc gia đăng ký tàu bay, quốc gia Người khai thác tàu bay, quốc gia thiết kế hoặc quốc gia sản xuất tàu bay yêu cầu giữ nguyên một phần nào đó của hiện trường vì mục đích điều tra, điều tra viên chính phải thực hiện tất cả các biện pháp cần thiết và hợp lý để đáp ứng yêu cầu đó nhằm giúp đỡ công tác điều tra với điều kiện tàu bay có thể được phép di chuyển:

1. Tới phạm vi cần thiết để tách người, động vật, thư tín và các tài sản có giá trị;
2. Để ngăn chặn bị phá hủy do hỏa hoạn hoặc các nguyên nhân khác;
3. Để loại trừ các nguy cơ hoặc chướng ngại vật ảnh hưởng tới dẫn đường hàng không, vận tải khác hoặc cộng đồng;
4. Nếu không dẫn tới việc trì hoãn quá mức cho việc đưa tàu bay trở lại khai thác khi có thể.

19.057 CHẤM DỨT LƯU GIỮ TÀU BAY

11a. Tùy thuộc vào quá trình điều tra thực hiện theo Điều 19.053 và Điều

¹¹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 10 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

19.055, điều tra viên chính sẽ báo cáo và quyết định chấm dứt lưu giữ tàu bay hoặc các bộ phận của tàu bay khi chúng không còn cần thiết cho việc điều tra và giao cho tổ chức hoặc các cá nhân được chỉ định bởi quốc gia đăng ký tàu bay hoặc quốc gia Người khai thác tàu bay.

b. Để thực hiện việc này, điều tra viên chính sẽ cho phép tiếp cận tàu bay hoặc các bộ phận của tàu bay với điều kiện nếu tàu bay hoặc các bộ phận của tàu bay nằm trong khu vực mà điều tra viên chính thấy không thể thực hiện việc tiếp cận thì tàu bay hoặc các bộ phận tàu bay sẽ được di dời đến địa điểm có thể tiếp cận dễ dàng.

CHƯƠNG E: ĐIỀU TRA TAI NẠN, SỰ CỐ

19.060 PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

Chương này quy định về việc tiến hành điều tra tai nạn, sự cố tàu bay đối với các cá nhân và tổ chức thực hiện việc điều tra hoặc cá nhân có những thông tin hay hồ sơ liên quan phù hợp cho việc điều tra.

19.063 TRÁCH NHIỆM ĐIỀU TRA¹²

a.13 Cơ quan điều tra sự cố, tai nạn tàu bay của Việt Nam có trách nhiệm tiến hành điều tra đối với các sự cố, tai nạn tàu bay nghiêm trọng xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam hoặc vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra sự cố, tai nạn tàu bay của Việt Nam có thể ủy quyền một phần hoặc toàn bộ các công việc liên quan đến việc điều tra sự cố, tai nạn tàu bay cho cơ quan điều tra sự cố, tai nạn tàu bay của quốc gia khác hoặc tổ chức điều tra sự cố, tai nạn tàu bay của khu vực theo sự thỏa thuận giữa các bên.

b. 14 Trong trường hợp quốc gia nơi xảy ra tai nạn, sự cố không tiến hành điều tra và không ủy quyền cho quốc gia khác hoặc tổ chức điều tra tai nạn, sự cố của khu vực, Việt Nam với tư cách là quốc gia đăng ký tàu bay hoặc quốc gia của người khai thác tàu bay có quyền yêu cầu chính thức quốc gia nơi xảy ra tai nạn, sự cố ủy quyền việc thực hiện điều tra. Trường hợp quốc gia nơi xảy ra tai nạn, sự cố không có trả lời trong thời gian 30 ngày, Cơ quan điều tra sự cố, tai nạn tàu bay của Việt Nam sẽ tiến hành việc điều tra với những thông tin có được.

c. Trong trường hợp tai nạn, sự cố xảy ra đối với tàu bay đăng ký quốc tịch Việt Nam trên lãnh thổ quốc gia không phải là thành viên ICAO, công việc điều tra sẽ được tiến hành theo sự thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam với quốc gia đó.

d. 15 Trong trường hợp sự cố, tai nạn tàu bay xảy ra tại vị trí không xác định

¹² Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 11 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

¹³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điểm a Mục 1 Phụ lục X sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 56/2018/TT-BGTVT ngày 11 tháng 12 năm 2018, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 01 năm 2019

¹⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điểm a Mục 1 Phụ lục X sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 56/2018/TT-BGTVT ngày 11 tháng 12 năm 2018, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 01 năm 2019

¹⁵ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điểm b Mục 1 Phụ lục X sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 56/2018/TT-BGTVT ngày 11 tháng 12 năm 2018, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 01 năm 2019

được thuộc lãnh thổ của một quốc gia nào thì Cơ quan điều tra sự cố, tai nạn tàu bay của Việt Nam có trách nhiệm tiến hành điều tra đối với tàu bay đăng ký quốc tịch Việt Nam. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra sự cố, tai nạn tàu bay của Việt Nam có thể ủy quyền một phần hoặc toàn bộ các công việc liên quan đến việc điều tra sự cố, tai nạn tàu bay cho cơ quan điều tra sự cố, tai nạn tàu bay của quốc gia khác hoặc tổ chức điều tra tai nạn, sự cố của khu vực theo sự thỏa thuận giữa các bên.

đ. Trong trường hợp tai nạn tàu bay xảy ra trên vùng biển quốc tế gần nhất với lãnh thổ Việt Nam thì Việt Nam có trách nhiệm hỗ trợ tối đa theo đề nghị của Quốc gia đăng ký tàu bay.

19.065 TÍNH CHẤT CỦA CUỘC ĐIỀU TRA.

a. Điều tra tai nạn, sự cố được tiến hành bởi nhà chức trách để xác định tình hình thực tế, các chi tiết liên quan tới vụ tai nạn, sự cố và các nguyên nhân có thể.

b. Những kết quả này sau đó được sử dụng để xác định biện pháp phòng ngừa sự tái diễn của những tai nạn, sự cố tương tự trong tương lai.

c. Công tác điều tra bao gồm: điều tra hiện trường (quang cảnh vụ tai nạn, xét nghiệm, phân rã...), chuẩn bị báo cáo, công bố thông tin.

d. Kết luận điều tra của nhà chức trách được ban hành theo dạng mẫu báo cáo hoặc các tóm tắt kết quả điều tra tai nạn, sự cố.

e. Điều tra tai nạn, sự cố là việc thu thập, xử lý các thông tin khách quan trong quá trình điều tra.

g. Việc điều tra này không nhằm mục đích xác định lỗi hay trách nhiệm pháp lý của bất kỳ người nào và không bị cản trở bởi các hoạt động điều tra của cơ quan hành pháp và cơ quan tư pháp.

19.067 QUYỀN CỦA NGƯỜI ĐƯỢC PHÒNG VẤN¹⁷

Người được phỏng vấn bởi người được nhà chức trách điều tra ủy quyền trong quá trình điều tra không đề ý tới hình thức của cuộc phỏng vấn (bị ràng buộc, không bị ràng buộc, được ghi lại, không được ghi lại), có quyền được giám hộ, được đại diện hoặc được tham vấn luật sư.

19.070 CƠ QUAN ĐIỀU TRA.

a. ¹⁸Thẩm quyền tổ chức điều tra sự cố, tai nạn tàu bay được quy định tại Luật Hàng không dân dụng Việt Nam và Nghị định số 75/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về điều tra sự cố, tai nạn tàu bay dân dụng.

1. Ủy ban điều tra tai nạn tàu bay do Thủ tướng Chính phủ thành lập tổ chức điều tra tai nạn tàu bay quy định tại điểm a và điểm c khoản 2 Điều 104 của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

2. Bộ Giao thông vận tải tổ chức điều tra sự cố, tai nạn tàu bay quy định tại

¹⁶ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 12 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

¹⁷ Tên Điều này được sửa đổi theo quy định tại Mục 13 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

¹⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 14 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 18

khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 104 của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

3. Cục HKVN được Bộ Giao thông vận tải ủy quyền thực hiện điều tra sự cố, tai nạn tàu bay.

b. 19 Cơ quan điều tra tai nạn có trách nhiệm và quyền hạn:

1. Đảm bảo tiến hành công tác điều tra đúng nguyên tắc và minh bạch;
2. Xác định các bằng chứng và các nguyên nhân;
3. Bảo vệ các hồ sơ của cuộc điều tra;
4. Dự thảo các khuyến cáo an toàn căn cứ vào các bằng chứng đã được phát hiện;
5. Hoàn thiện và công bố kết quả điều tra.

c. Để thực hiện được các trách nhiệm tại khoản b Điều này trong suốt quá trình điều tra, cơ quan điều tra được phép trưng dụng người có đủ năng lực, trình độ của các tổ chức của Việt Nam sau đây để phục vụ hoạt động điều tra sự cố, tai nạn tàu bay bao gồm:

1. Người khai thác tàu bay;
2. Cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu;
3. Cơ sở thiết kế, sản xuất, bảo dưỡng và thử nghiệm tàu bay;
4. Tổ chức xã hội nghề nghiệp về hàng không;
5. Các chuyên gia kỹ thuật để tiếp cận các thông tin, phỏng vấn, hồ sơ và báo cáo;
6. Nhân chứng thẩm vấn và các chuyên gia kỹ thuật.

d. Cơ quan điều tra sự cố, tai nạn tàu bay được bố trí nơi làm việc thích hợp gần khu vực hiện trường xảy ra sự cố, tai nạn tàu bay được trang bị phương tiện đi lại; trang bị thiết bị cần thiết phục vụ cho việc điều tra sự cố, tai nạn tàu bay. Nơi làm việc do cơ quan điều tra sự cố, tai nạn tàu bay quyết định tùy thuộc vào từng vụ việc cụ thể.

e. Cơ quan điều tra sự cố, tai nạn tàu bay có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ điều tra tai nạn, sự cố tàu bay sau khi kết thúc việc điều tra sự cố hoặc tai nạn tàu bay.

19.073 CHỈ ĐỊNH NGƯỜI ĐIỀU TRA CHÍNH

a. Cục Hàng không Việt Nam sẽ chỉ định điều tra viên chính cho việc điều tra và sẽ bắt đầu việc điều tra ngay sau đó.

b. Sau khi cơ quan điều tra đã được bổ nhiệm, điều tra viên chính sẽ được giải phóng tất cả các nhiệm vụ khác và được cất cữ tại cơ quan điều tra cho đến khi báo cáo cuối được ban hành.

c. Cơ quan điều tra sau khi bổ nhiệm có thể thay thế điều tra viên chính cho phù hợp với việc điều tra.

19.075 QUYỀN HẠN TIẾP CẬN VÀ CHỈ ĐẠO CỦA NGƯỜI ĐIỀU TRA CHÍNH²⁰

Điều tra viên chính có quyền tiếp cận không giới hạn đến các mảnh vỡ tàu bay

¹⁹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 14 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

²⁰ Điều này được sửa đổi theo quy định tại Mục 15 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

và các tài liệu liên quan bao gồm các thiết bị tự ghi và bản ghi âm ATS và có quyền quyết định thực hiện việc kiểm tra cụ thể mà không bị trì hoãn bởi các cá nhân được ủy quyền tham gia vào việc điều tra.

19.079. NGƯỜI ĐIỀU TRA CHÍNH

a. Điều tra viên chính (IIC) tổ chức, thực hiện kiểm soát và quản lý các giai đoạn điều tra. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên của cơ quan điều tra để thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định.

b. IIC có trách nhiệm và quyền hạn để giám sát các nguồn lực và hành động của mọi cá nhân thuộc Chính phủ cũng như dân thường liên quan trong hiện trường điều tra.

c. IIC duy trì trách nhiệm quản lý và tổ chức đến giai đoạn cuối cùng của công tác điều tra cho đến khi nhà chức trách báo cáo nguyên nhân có thể gây nên tai nạn, sự cố.

19.080 QUYỀN HẠN CỦA THÀNH VIÊN ĐIỀU TRA

a. Với sự trình diện thẻ ủy quyền thích hợp, đại diện được ủy quyền của Cục Hàng không Việt Nam có quyền hạn sau đây:

1. Đến hiện trường vụ tai nạn, sự cố tàu bay;
2. Tiếp cận các mảnh vỡ tàu bay;
3. Làm những việc được coi là phù hợp cho điều tra.

b. Sau khi được ủy quyền của cơ quan điều tra có thẩm quyền của Việt Nam, có thể yêu cầu các tổ chức, cá nhân có quyền kiểm soát hoặc sở hữu đối với phương tiện vận tải, các bộ phận hoặc trang thiết bị điều khiển liên quan đến cuộc điều tra hoặc bất kỳ hồ sơ hoặc bản ghi nhớ bao gồm cả các tài liệu, hồ sơ bệnh viện và thư tín trao đổi sau khi sự cố, tai nạn xảy ra cho phép kiểm tra, chụp ảnh hoặc sao chép ngay lập tức để phục vụ công tác điều tra.

c. Đại diện Cục Hàng không Việt Nam có thể yêu cầu khởi tố để có được lời khai hoặc các chứng cứ khác.

d. Đại diện Cục Hàng không Việt Nam có thể thẩm vấn nhân chứng hoặc bất kỳ ai có thông tin liên quan tới sự cố, tai nạn.

e. Đại diện Cục Hàng không Việt Nam có quyền hạn quyết định phương thức kiểm tra được thực hiện bao gồm cả người thực hiện kiểm tra, loại kiểm tra sẽ được thực hiện và người làm chứng cho việc kiểm tra cần thiết để phục vụ công tác điều tra sự cố, tai nạn.

g. Đại diện Cục Hàng không Việt Nam có quyền hạn kiểm tra và thử nghiệm bất kỳ tàu bay dân dụng, động cơ, cánh quạt, các bộ phận khác của tàu bay có khả năng liên quan đến sự cố, tai nạn trong quá trình điều tra.

19.083 KHÁM NGHIỆM TỬ THI VÀ GIÁM ĐỊNH Y TẾ

a. Điều tra viên chính đại diện cho Cục Hàng không Việt Nam tiến hành điều tra tai nạn có người tử vong có trách nhiệm trưng cầu khám nghiệm tử thi đối với thành viên tổ lái, thành viên tổ tiếp viên hoặc hành khách tùy thuộc vào điều kiện cụ thể bởi các bác sĩ giải phẫu học kinh nghiệm trong điều tra tai nạn.

b. Đại diện của Cục Hàng không Việt Nam được quyền có bản báo cáo giám định pháp y của bất cứ người nào tử vong trong tai nạn tàu bay trong quyền thực thi pháp lý của Cục Hàng không Việt Nam.

c. Điều tra viên chính đại diện cho Cục Hàng không Việt Nam có thể yêu cầu khám nghiệm tử thi hoặc các xét nghiệm khác đối với những cá nhân được xem là cần thiết cho quá trình điều tra trong phạm vi phù hợp theo yêu cầu của điều tra tai nạn, với điều kiện tôn trọng các quy định của tín ngưỡng tôn giáo liên quan đến việc khám nghiệm tử thi.

d. Trong trường hợp cần thiết, việc giám định y tế có thể tiến hành đối với thành viên tổ bay, hành khách hoặc nhân viên hàng không liên quan đến tai nạn để phục vụ công tác điều tra.

e. Điều tra viên chính đảm bảo những việc giám định này được tiến hành nhanh chóng và đầy đủ.

19.085 THÀNH PHẦN ĐIỀU TRA

a. Cơ quan điều tra chỉ định các thành phần để tiến hành điều tra. Các thành phần sẽ được giới hạn trong những tổ chức, cá nhân sau: các cơ quan của Chính phủ, các công ty và các tổ chức có liên quan đến con người, chức năng, hành động hoặc sản phẩm trong vụ tai nạn, sự cố và những người có năng lực chuyên môn kỹ thuật trợ giúp trong điều tra. Chỉ được phép tham gia điều tra tai nạn khi được phép của nhà chức trách.

b. Người tham gia điều tra (đại diện các quốc gia liên quan, các thành phần phối hợp, thành phần của tổ chức thiết kế, chế tạo hoặc Người khai thác) được điều hành trực tiếp bởi người đại diện của nhà chức trách và có thể bị miễn nhiệm nếu họ không tuân thủ trách nhiệm được chỉ định, không tích cực hoặc không tuân thủ các chỉ dẫn hoặc nếu họ tự ý thực hiện gây tổn hại cho cuộc điều tra.

c. Tổ chức tham gia điều tra và đại diện trong một lĩnh vực chuyên môn của cơ quan điều tra không được cử người đại diện đồng thời là đại diện cho cơ quan bảo hiểm hoặc bên khởi kiện. Không thành viên nào thuộc cơ quan điều tra được phép đồng thời đại diện về pháp lý cho bên liên quan.

d. Ngoài ra để phù hợp với khoản a Điều này và để trợ giúp đảm bảo phù hợp với các yêu cầu và giới hạn về thành phần tham gia điều tra, các thành phần đại diện trong các cuộc điều tra hàng không phải ký xác nhận bản cam kết về các yêu cầu và giới hạn ở trên.

19.087 SỬ DỤNG VÀ DI DỜI CÁC MẢNH VỠ, CÁC HỒ SƠ, THƯ TỪ VÀ HÀNG HÓA.

a. Chỉ có người điều tra tai nạn của nhà chức trách và những người được phép của cơ quan điều tra tiến hành công việc điều tra, kiểm tra, thử nghiệm mới được phép kiểm tra các mảnh vỡ, các hồ sơ, thư từ hoặc hàng hóa trong sự giám sát của nhà chức trách.

b. Các mảnh vỡ, các hồ sơ, thư từ hoặc hàng hóa trong sự giám sát của nhà chức trách sẽ được di dời khi nhà chức trách thấy nó không cần thiết.

19.090 THÔNG BÁO CÁC QUỐC GIA LIÊN QUAN

a. ²¹Sau khi nhận được báo cáo về sự cố hoặc tai nạn tàu bay, Cục HKVN xác nhận thông tin và thông báo cho các quốc gia liên quan và cho Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế.

²¹ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Mục 16 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

b. Việc thu thập và ghi chép thông tin không bị trì hoãn để chờ đợi sự có mặt của các đại diện được chỉ định.

19.093 GIẢI MÃ THIẾT BỊ TỰ GHI

a. Khi thực hiện điều tra sự cố, tai nạn tàu bay, cơ quan điều tra phải giải mã thông tin trong các máy tự ghi lắp đặt trên tàu bay.

b. Việc chọn cơ sở giải mã thông tin của máy tự ghi phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

1. Mức độ khách quan và chính xác của đơn vị, người tiến hành giải mã;
2. Thời gian ít nhất dành cho việc giải mã đủ để có các thông tin cần thiết;
3. Vị trí địa lý của nơi giải mã phải gần cơ quan điều tra tai nạn.

19.095 SỰ HỖ TRỢ, PHỐI HỢP CỦA CƠ QUAN PHÁP LUẬT

a. ²²Các cơ quan liên quan của Việt Nam đảm bảo hỗ trợ, phối hợp và tạo điều kiện tiếp cận của điều tra viên chính hoặc người đại diện được phân công trong quá trình điều tra tai nạn tàu bay.

b. Sự phối hợp và hỗ trợ này bao gồm cả những hồ sơ, phân tích nhanh chóng phục vụ cho việc điều tra như: kiểm tra và xác định các nạn nhân của tai nạn, giải mã các dữ liệu của thiết bị tự ghi của tàu bay.

19.097 THÔNG BÁO CHO CƠ QUAN AN NINH HÀNG KHÔNG

Trong quá trình điều tra nếu phát hiện hoặc nghi ngờ có sự can thiệp trái pháp luật, điều tra viên chính phải thông tin ngay lập tức cho cơ quan an ninh hàng không của các quốc gia liên quan.

19.100 CÔNG BỐ CÁC THÔNG TIN VỀ TAI NẠN HOẶC SỰ CỐ.

a. ²³Việc đưa ra các thông tin trong vụ việc điều tra, quang cảnh tai nạn phải theo đúng sự thực và được thực hiện bởi người có thẩm quyền.

b. Các thông tin liên quan đến tai nạn, sự cố từ bất kỳ tổ chức, cá nhân tham gia công tác điều tra phải được ban hành bởi IIC thông qua kênh phù hợp trước khi cung cấp cho người ngoài cơ quan điều tra.

c. Các thành phần tham gia điều tra có thể truyền các thông tin cần thiết từ các tổ chức của họ nhằm mục đích phòng ngừa hoặc khắc phục.

d. Thông tin liên quan tới tai nạn, sự cố không được đưa ra cho người không phải là đại diện của cơ quan điều tra trước khi thông tin ban đầu đưa ra bởi nhà chức trách mà không hỏi ý kiến và được sự cho phép của IIC.

e. Cục Hàng không Việt Nam chịu trách nhiệm thực hiện việc báo cáo ICAO và chia sẻ với các quốc gia thành viên ICAO về các thông tin liên quan nhằm mục đích đảm bảo an toàn hàng không.

19.103 THÔNG TIN ĐỀ XUẤT

a. Tổ chức, cá nhân, cơ quan Chính phủ, công ty hoặc các hiệp hội có chức năng hoạt động hoặc có các sản phẩm liên quan tới tai nạn, sự cố tàu bay đang được

²² Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Mục 17 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

²³ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Mục 18 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

điều tra có thể cung cấp cho nhà chức trách các thông tin phát hiện từ các bằng chứng trong khi tiến hành điều tra, nguyên nhân có thể và các khuyến cáo an toàn nhằm mục đích phòng ngừa tai nạn xảy ra.

b. Thời gian đưa ra đề xuất phải được biết trước cuộc họp được chủ trì bởi cơ quan điều tra sự cố, tai nạn tàu bay. Tất cả các nội dung đề xuất được viết ra phải được trình bày, cung cấp cho các thành viên tham dự cuộc họp. Thủ tục này để đảm bảo tuân thủ và xem xét, cân nhắc kỹ lưỡng.

19.105 LƯU GIỮ THÔNG TIN, HỒ SƠ²⁴

a. Trong quá trình điều tra sự cố, tai nạn tàu bay, trừ khi người có thẩm quyền xác định việc công bố thông tin có nhiều tác dụng hơn so với những bất lợi có thể xảy ra, cơ quan điều tra tai nạn, sự cố tàu bay có trách nhiệm lưu giữ những thông tin, hồ sơ đang phục vụ cho mục đích điều tra sau đây:

1. Các báo cáo của thành viên cơ quan điều tra trong quá trình điều tra;
2. Các thông tin liên lạc giữa những người liên quan đến hoạt động khai thác tàu bay;
3. Thông tin y tế hoặc thông tin cá nhân của những người liên quan đến tai nạn, sự cố tàu bay;
4. Bản ghi âm, bản diễn giải lời ghi âm buồng lái và ảnh chụp trên tàu bay;
5. Bản ghi âm và bản diễn giải lời ghi âm của cơ quan điều khiển không lưu;
6. Báo cáo phân tích dữ liệu các thiết bị tự ghi của tàu bay;
7. Dự thảo báo cáo chính thức.

b. Những thông tin, hồ sơ này được đưa vào báo cáo chính thức hoặc vào phần Phụ lục chỉ khi thích hợp cho việc phân tích tai nạn, sự cố tàu bay.

c. Những thông tin, hồ sơ được thu thập trong khi điều tra nhưng không liên quan đến việc phân tích thì không được công bố.

d. Cơ quan điều tra tai nạn, sự cố tàu bay không được công bố họ tên của những thành viên tham gia vào quá trình điều tra.

19.107 ĐIỀU TRA LẠI

a. Sau khi kết thúc điều tra, trong trường hợp phát hiện chứng cứ mới quan trọng thuộc quyền hạn xét xử của Việt Nam, cơ quan điều tra sẽ thực hiện điều tra lại đối với sự cố, tai nạn tàu bay.

b. Trong trường hợp chứng cứ mới quan trọng này thuộc tai nạn xảy ra bên ngoài lãnh thổ Việt Nam, chứng cứ này được giao cho cơ quan chức trách nước sở tại tiến hành điều tra ban đầu.

c. Thẩm quyền tổ chức điều tra và thủ tục mở lại điều tra sự cố, tai nạn tàu bay áp dụng như đối với việc tổ chức điều tra lần đầu.

²⁴ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 19 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

CHƯƠNG F: NGHĨA VỤ QUỐC TẾ CỦA QUỐC GIA ĐIỀU TRA²⁵

19.110 PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

Chương này quy định các nghĩa vụ quốc tế trong trường hợp điều tra sự cố, tai nạn tàu bay mà Việt Nam là quốc gia xảy ra sự cố, tai nạn tàu bay hoặc quốc gia điều tra.

19.113 THÔNG BÁO CÁC QUỐC GIA LIÊN QUAN

a. 26 Khi xảy ra sự cố tàu bay trong lãnh thổ Việt Nam hoặc vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý thì tùy theo tính chất của vụ việc, Cục HKVN thực hiện trách nhiệm báo cáo theo quy định của Công ước quốc tế Chicago.

b. 27 Khi xảy ra tai nạn tàu bay, sự cố nghiêm trọng được tiến hành điều tra theo Phụ ước 13 của Công ước Chicago trong lãnh thổ Việt Nam hoặc vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý, Bộ Giao thông vận tải bằng cách thức nhanh nhất có thể thông báo cho:

1. Quốc gia đăng ký tàu bay;
2. Quốc gia của người khai thác tàu bay;
3. Quốc gia thiết kế tàu bay;
4. Quốc gia sản xuất tàu bay;
5. Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế đối với tàu bay có trọng tải lớn hơn 2.250kg.

c. 28 Trong trường hợp Việt Nam là quốc gia đăng ký quốc tịch và Cục HKVN thực hiện điều tra sự cố, tai nạn tàu bay, điều tra viên chính sẽ gửi thông báo theo thể thức và nội dung quy định ở 19.115 của Phần này bằng các phương tiện thích hợp nhất và nhanh nhất có thể cho các quốc gia liệt kê trong khoản b Điều này.

d. Trong trường hợp Việt Nam là quốc gia đăng ký quốc tịch hoặc quốc gia của Nhà khai thác tàu bay nếu như Nhà chức trách hàng không nơi xảy ra sự cố, tai nạn hàng không chưa có thông tin về vụ việc, Cục Hàng không Việt Nam xác minh, thu thập thông tin báo cáo Bộ Giao thông vận tải để thông báo đến các Quốc gia sau:

1. Quốc gia thiết kế;
2. Quốc gia nhà sản xuất tàu bay;
3. Quốc gia nơi xảy ra sự cố, tai nạn tàu bay.

19.115 THỂ THỨC VÀ NỘI DUNG CỦA THÔNG BÁO SỰ CỐ, TAI NẠN TÀU BAY

Thông báo được thể hiện bằng ngôn ngữ rõ ràng, dễ hiểu và chứa đựng các

²⁵ Tên Chương này được sửa đổi theo quy định tại Mục 20 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

²⁶ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản a Mục 21 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

²⁷ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 2 Phụ lục X sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 56/2018/TT-BGTVT ngày 11 tháng 12 năm 2018, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 01 năm 2019

²⁸ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản b Mục 21 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

thông tin sau:

- a. Sử dụng ký hiệu ACCID đối với tai nạn và INCID đối với sự cố;
- b. Nhà sản xuất, loại tàu bay, quốc tịch và số đăng ký, số xuất xưởng tàu bay;
- c. Chủ sở hữu, người khai thác, người cho thuê nếu có;
- d. Người chỉ huy tàu bay, quốc tịch của tổ bay và hành khách;
- e. Thời gian (giờ địa phương hoặc giờ UTC) xảy ra tai nạn, sự cố tàu bay;
- g. Nơi cất cánh và nơi dự định hạ cánh của tàu bay;
- h. Vị trí địa lý (vĩ độ và kinh độ) của tàu bay;
- i. Số lượng tổ bay và hành khách ở trên tàu bay tử vong và bị thương nặng; ở vị trí khác tử vong và bị thương nặng;
- k. Mô tả sự cố nghiêm trọng, tai nạn và đánh giá mức độ hỏng hóc của tàu bay;
- l. Phạm vi của việc điều tra hoặc việc ủy quyền điều tra cho quốc gia nơi xảy ra sự cố, tai nạn tàu bay;
- m. Đặc điểm khu vực hiện trường sự cố, tai nạn và những khó khăn hoặc yêu cầu đặc biệt cho việc tiếp cận hiện trường;
- n. Cách thức liên lạc với điều tra viên chính và nhà chức trách điều tra của quốc gia nơi xảy ra sự cố, tai nạn tàu bay;
- o. Thông tin về hàng hóa nguy hiểm chuyên chở trên tàu bay.

19.117 NGÔN NGỮ SỬ DỤNG TRONG THÔNG BÁO

Thông báo được thể hiện bằng ngôn ngữ tiếng Anh, bằng ngôn ngữ của người nhận trong trường hợp cần thiết.

19.120 BỔ SUNG THÔNG TIN LIÊN QUAN

Trong trường hợp phát hiện việc thiếu sót thông tin trong thông báo hoặc những thông tin khác liên quan, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc thông báo những thông tin này trong thời gian sớm nhất có thể.

19.123 HỢP TÁC QUỐC TẾ CỦA CÁC QUỐC GIA LIÊN QUAN

a. Nếu không nhận được phản hồi của của các quốc gia đăng ký, quốc gia người khai thác tàu bay, quốc gia thiết kế và quốc gia sản xuất tàu bay, Cục Hàng không Việt Nam liên lạc với Nhà chức trách hàng không của các quốc gia này bằng những phương thức không chính thức hoặc quan hệ cá nhân để thông báo về sự cố, tai nạn tàu bay.

b. Quốc gia đăng ký, quốc gia Người khai thác tàu bay, quốc gia thiết kế và quốc gia sản xuất tàu bay được phép chỉ định đại diện được ủy quyền tham gia điều tra sự cố, tai nạn tàu bay có trọng tải lớn hơn 2.250 kg khi có đề nghị của Cục HKVN.

19.127 TIẾN HÀNH ĐIỀU TRA

Cục Hàng không Việt Nam tiến hành điều tra theo thẩm quyền và quyền hạn được quy định trong Chương E của Phần này.

19.130 PHỐI HỢP THAM GIA VỚI CÁC QUỐC GIA LIÊN QUAN

Cục Hàng không Việt Nam tiến hành tham gia và phối hợp đầy đủ với các đại diện, các cố vấn, chuyên gia kỹ thuật theo quy định với các điều khoản của Chương H và Chương I.

²⁹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 22 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

19.13. HOÀN THÀNH BÁO CÁO ĐẦY ĐỦ VÀ KỊP THỜI

Cục Hàng không Việt Nam hoàn thành các báo cáo đầy đủ và kịp thời theo quy định tại Chương K.

CHƯƠNG G: TRÁCH NHIỆM THAM GIA ĐIỀU TRA SỰ CỐ, TAI NẠN TÀU BAY³⁰

19.140 PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

Chương này quy định các nghĩa vụ quốc tế của Việt Nam trong công tác điều tra sự cố, tai nạn tàu bay xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam khi Việt Nam là một trong những quốc gia sau đây:

- a. Quốc gia đăng ký tàu bay;
- b. Quốc gia Người khai thác tàu bay;
- c. Quốc gia sản xuất;
- d. Quốc gia thiết kế tàu bay.

19.143 SAU KHI NHẬN ĐƯỢC THÔNG BÁO VỀ SỰ CỐ, TAI NẠN TÀU BAY

a. ³¹Cục HKVN khi nhận được thông báo tai nạn, sự cố nghiêm trọng từ quốc gia nơi xảy ra tai nạn có trách nhiệm thực hiện phản hồi thông tin.

b. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thông báo cho quốc gia nơi xảy ra tai nạn:

1. ³²Về khả năng chỉ định người đại diện được ủy quyền hay không;
2. Tên, địa chỉ liên hệ và thời gian dự kiến có mặt để tham gia công tác điều tra sự cố, tai nạn tàu bay của đại diện được ủy quyền chỉ định nếu có.

19.145 TRÁCH NHIỆM CUNG CẤP THÔNG TIN LIÊN QUAN

a. Sau khi nhận được thông báo, Cục Hàng không Việt Nam tiến hành cung cấp cho quốc gia xảy ra tai nạn, sự cố trong thời gian sớm nhất có thể các thông tin liên quan đến tàu bay, tổ lái của chuyến bay gặp tai nạn, sự cố.

b. Sau khi nhận được thông báo, Cục Hàng không Việt Nam bằng cách nhanh nhất và sớm nhất cung cấp cho quốc gia xảy ra tai nạn, sự cố thông tin về hàng hóa nguy hiểm chuyên chở trên tàu bay.

19.147 BỔ SUNG THÔNG TIN LIÊN QUAN

a. Sau khi nhận được yêu cầu của quốc gia tiến hành điều tra, Cục Hàng không Việt Nam đảm bảo việc cung cấp đầy đủ thông tin liên quan.

b. Trong trường hợp cơ sở vật chất hoặc dịch vụ tại Việt Nam sử dụng tàu bay được đánh giá tốt trước khi xảy ra tai nạn, sự cố và thông tin này có ích cho việc điều tra thì Cục Hàng không Việt Nam tiến hành cung cấp thông tin này cho quốc gia điều

³⁰ Tên Chương này được sửa đổi theo quy định tại Mục 23 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

³¹ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản a Mục 24 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

³² Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản b Mục 24 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

tra sự cố, tai nạn tàu bay.

19.150 BẢO VỆ VÀ CUNG CẤP DỮ LIỆU CÁC THIẾT BỊ TỰ GHI³³

Trong trường hợp tàu bay liên quan đến tai nạn, sự cố nghiêm trọng thực hiện hạ cánh xuống Việt Nam, sau khi nhận được yêu cầu của quốc gia tiến hành điều tra, Cục HKVN cung cấp cho quốc gia đó:

- a. Dữ liệu các thiết bị tự ghi;
- b. Các thiết bị tự ghi trong trường hợp cần thiết.

19.153 CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC LIÊN QUAN

Sau khi nhận được yêu cầu của quốc gia tiến hành điều tra, Cục Hàng không Việt Nam cung cấp cho quốc gia đó thông tin liên quan về các tổ chức, cơ sở có hoạt động trực tiếp hoặc gián tiếp đối với hoạt động khai thác của tàu bay.

19.15. CHỈ ĐỊNH NGƯỜI ĐẠI DIỆN ỦY QUYỀN

Trong trường hợp quốc gia tiến hành điều tra tai nạn tàu bay có tải trọng lớn hơn 2.500kg yêu cầu sự tham gia của Việt Nam, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm chỉ định người đại diện được ủy quyền.

19.157 THỰC HIỆN KHUYẾN CÁO AN TOÀN

a. Khi nhận được khuyến cáo an toàn từ quốc gia điều tra sự cố, tai nạn tàu bay dựa trên kết quả điều tra, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm xem xét và đánh giá các khuyến cáo trên.

b. ³⁴Sau khi đánh giá, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được khuyến cáo an toàn, Cục HKVN có trách nhiệm thông báo cho quốc gia đưa ra khuyến cáo an toàn về hoạt động phòng ngừa hoặc lý do khi không đưa ra bất kỳ hành động tương ứng nào hoặc đề xuất thay thế cho các hoạt động phòng ngừa không phải là các khuyến nghị an toàn ban đầu.

c. ³⁵Cục HKVN có trách nhiệm theo dõi quá trình khắc phục đối với các khuyến cáo an toàn nhận được từ quốc gia điều tra tai nạn, sự cố tàu bay.

d. ³⁶Cục HKVN có quyền ban hành các khuyến cáo an toàn sau khi thỏa thuận với quốc gia tiến hành điều tra tai nạn, sự cố tàu bay nhằm mục đích ngăn ngừa sự tái diễn, sự cố tàu bay, khi tham gia điều tra tai nạn, sự cố tàu bay.

19.158 BÁO CÁO CHÍNH THỨC ³⁷

Trong trường hợp quốc gia tiến hành điều tra sự cố, tai nạn tàu bay không công

³³ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 25 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

³⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 26 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

³⁵ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 26 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

³⁶ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 3 Phụ lục X sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 56/2018/TT-BGTVT ngày 11 tháng 12 năm 2018, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 01 năm 2019

³⁷ Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 4 Phụ lục X sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 56/2018/TT-BGTVT ngày 11 tháng 12 năm 2018, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 01 năm 2019

bổ báo cáo chính thức hay báo cáo tạm thời trong thời gian thích hợp, Cơ quan điều tra sự cố, tai nạn tàu bay của Việt Nam khi tham gia điều tra có quyền yêu cầu cơ quan điều tra sự cố, tai nạn của quốc gia tiến hành điều tra ban hành bản tuyên bố bao gồm các vấn đề an toàn đưa ra từ các thông tin có sẵn. Trong trường hợp cơ quan điều tra sự cố, tai nạn của quốc gia tiến hành điều tra không có trả lời trong thời gian 30 ngày, Cơ quan điều tra sự cố, tai nạn của Việt Nam sẽ ban hành bản tuyên bố này sau khi thống nhất với các cơ quan điều tra sự cố, tai nạn của các quốc gia tham gia điều tra.

CHƯƠNG H: QUYỀN THAM GIA ĐIỀU TRA SỰ CỐ, TAI NẠN TÀU BAY³⁸

19.160 PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

a. Chương này quy định các yêu cầu đối với việc tham gia của các đại diện được ủy quyền, các cố vấn và chuyên gia khác để phục vụ quá trình điều tra, báo cáo và ban hành các khuyến cáo an toàn.

b. Điều tra viên chính đảm bảo các thành viên này tham gia điều tra theo phạm vi quyền hạn của họ.

19.163 CÁC QUỐC GIA ĐƯỢC QUYỀN CHỈ ĐỊNH NGƯỜI ĐẠI DIỆN

a. Những quốc gia sau được quyền chỉ định người đại diện được ủy quyền để tham gia vào quá trình điều tra tainạn, sự cố tàu bay tiến hành bởi Cục Hàng không Việt Nam:

1. Quốc gia đăng ký;
2. Quốc gia người khai thác;
3. Quốc gia thiết kế;
4. Quốc gia sản xuất.

b. Quốc gia thiết kế hoặc sản xuất hệ thống sinh lực hoặc thiết bị lớn của tàu bay có thể được mời để giám gia vào quá trình điều tra.

c. Các quốc gia khi được yêu cầu cung cấp thông tin, cơ sở vật chất hoặc chuyên gia cho Cục Hàng không Việt Nam có quyền chỉ định đại diện ủy quyền để tham gia vào quá trình điều tra.

d. Các quốc gia cung cấp căn cứ hoạt động cho việc điều tra hoặc tham gia vào quá trình tìm kiếm, cứu nạn hoặc khôi phục các mảnh vỡ tàu bay hoặc là quốc gia có liên danh với nhà khai thác tàu bay có thể được mời chỉ định người đại diện được ủy quyền để tham gia vào quá trình điều tra.

19.165 THÀNH PHẦN THAM GIA ĐIỀU TRA KHÁC

a. Trong trường hợp Quốc gia đăng ký, Quốc gia Người khai thác không chỉ định người đại diện được ủy quyền, Cục Hàng không Việt Nam tiến hành mời Người khai thác tham gia theo quy trình của Quốc gia tiến hành điều tra.

b. Trong trường hợp Quốc gia thiết kế, Quốc gia sản xuất không chỉ định người đại diện được ủy quyền, Cục Hàng không Việt Nam tiến hành mời tổ chức có trách nhiệm đối với thiết kế loại và quá trình lắp ráp cuối cùng của tàu bay để tham gia theo quy trình của Cục Hàng không Việt Nam.

³⁸ Tên Chương này được sửa đổi theo quy định tại Mục 27 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

19.167 CHỈ ĐỊNH CỔ VẤN CHO NGƯỜI ĐẠI DIỆN ỦY QUYỀN

a. Quốc gia đăng ký hoặc Quốc gia Người khai thác có thể chỉ định một hoặc nhiều cổ vấn được đề nghị bởi người khai thác để hỗ trợ người đại diện được ủy quyền.

b. Quốc gia thiết kế và Quốc gia sản xuất có thể chỉ định một hoặc nhiều cổ vấn được đề nghị bởi tổ chức có trách nhiệm đối với chứng chỉ loại và quá trình lắp ráp cuối cùng của tàu bay để hỗ trợ người đại diện được ủy quyền.

19.170 QUỐC GIA CÓ CÔNG DÂN TỬ VONG HOẶC BỊ CHẤN THƯƠNG NGHIÊM TRỌNG

Quốc gia có sự quan tâm đặc biệt đối với tai nạn do có công dân tử vong hoặc bị chấn thương nghiêm trọng có thể đề nghị Cục Hàng không Việt Nam để chỉ định chuyên gia có những quyền hạn sau đây:

- a. Tiếp cận hiện trường tai nạn;
- b. Tiếp cận thông tin về sự thật liên quan;
- c. Tham gia xác định nạn nhân;
- d. Hỗ trợ thăm vấn công dân của quốc gia đó được cứu sống;
- e. ³⁹Nhận bản sao của báo cáo chính thức của kết quả điều tra.

CHƯƠNG I: QUYỀN HẠN CỦA CÁC ĐẠI DIỆN ỦY QUYỀN

19.180 PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

a. Chương này quy định các yêu cầu áp dụng đối với các đại diện được ủy quyền tham gia vào quá trình điều tra sự cố, tai nạn tàu bay tại Việt Nam.

b. Điều tra viên chính phải đảm bảo các đại diện được ủy quyền này chấp thuận các quyền hạn thích hợp.

19.183 CÁC ĐẠI DIỆN ỦY QUYỀN VÀ CỔ VẤN

a. Quốc gia có quyền chỉ định người đại diện được ủy quyền đồng thời có quyền chỉ định một hoặc nhiều cổ vấn để hỗ trợ người đại diện trong quá trình điều tra.

b. Quốc gia tham gia điều tra có quyền chỉ định những chuyên gia kỹ thuật tốt nhất để thực hiện cổ vấn cho người đại diện được ủy quyền.

c. Các cổ vấn dưới sự giám sát của người đại diện được ủy quyền có thể được phép tham gia điều tra trong phạm vi cần thiết để hỗ trợ hiệu quả người đại diện được ủy quyền.

19.185 SỰ THAM GIA

Người đại diện được ủy quyền, cổ vấn và những thành phần khác có thể tham gia mọi khía cạnh của việc điều tra dưới sự giám sát của điều tra viên chính, cụ thể như sau:

- a. Tiếp cận hiện trường tai nạn;
- b. Kiểm tra các mảnh vỡ tàu bay;
- c. Thu thập thông tin từ các nhân chứng và đề xuất khu vực thăm vấn;
- d. Nhận bản sao chép các tài liệu thích hợp;

³⁹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 29 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

- e. Tham gia giải mã các bản ghi âm;
- g. Tham gia các hoạt động không tại hiện trường như kiểm tra các thiết bị, thảo luận kỹ thuật, thử nghiệm và mô phỏng;
- h. Đề xuất các ý kiến liên quan đến các vấn đề khác nhau của việc điều tra;
- i. Sự tham gia của các quốc gia không phải quốc gia đăng ký, quốc gia Người khai thác, quốc gia thiết kế và quốc gia sản xuất có thể bị giới hạn đối với những quyền của các quốc gia này theo quy định Điều 19.1. 5 của Phần này.

19.187 QUY TRÌNH

Người tham gia vào quá trình điều tra tai nạn, sự cố tàu bay phải tuân theo những giới hạn và quy trình của Việt Nam với sự quản lý của điều tra viên chính.

19.190 PHẠM VI QUYỀN HẠN

- a. Cục Hàng không Việt Nam có quyền báo cáo Bộ GTVT cho phép mở rộng sự tham gia điều tra ngoài những điều quyền liệt kê trong Phần này.
- b. Những tài liệu nêu trong Chương K bao gồm cả những tài liệu như báo cáo kiểm tra thiết bị, những nghiên cứu điển ra trong phạm vi điều tra.

19.193 TRÁCH NHIỆM

- a. Đối với người đại diện được ủy quyền và các cố vấn của họ:
 - 1. Cung cấp cho quốc gia điều tra tất cả các thông tin liên quan;
 - 2. Không được tiết lộ thông tin trong quá trình điều tra mà không có sự chấp thuận của Cục Hàng không Việt Nam đang tiến hành điều tra.
- b. Những trách nhiệm quy định trong khoản a Điều này không cản trở việc phát hành tức thời các sự việc khi được ủy quyền bởi IIC cũng không cản trở việc các đại diện được ủy quyền báo cáo cho quốc gia của họ để thực hiện các hành động khắc phục an toàn tương ứng.

CHƯƠNG K: BÁO CÁO TAI NẠN, SỰ CỐ TÀU BAY⁴⁰

19.200 PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

- a. Chương này quy định việc hoàn thiện, biên soạn và phân phát đối với những báo cáo yêu cầu trong quá trình điều tra sự cố, tai nạn tàu bay.
- b. Chương này áp dụng đối với các nhân viên điều tra tai nạn và những điều tra viên được chỉ định và nhân viên của Cục Hàng không Việt Nam hỗ trợ điều tra.

MỤC I: THÔNG TIN CHUNG

19.203 MỤC TIÊU AN TOÀN BAY⁴¹

- a. Trong trường hợp những vấn đề ảnh hưởng đến an toàn được xác định có liên quan đến tai nạn, sự cố tàu bay, Cục HKVN có trách nhiệm thông báo đến các quốc gia liên quan và ICAO:
 - 1. Trong thời gian sớm nhất có thể;

⁴⁰ Tên Chương này được sửa đổi theo quy định tại Mục 30 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

⁴¹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 31 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

2. Bằng phương tiện nhanh nhất và thích hợp nhất có thể.

19.205 NGÔN NGỮ

Tất cả thông báo và báo cáo thực hiện bởi Cục Hàng không Việt Nam trong quá trình điều tra sự cố, tai nạn tàu bay được gửi đến các quốc gia liên quan và ICAO bằng ngôn ngữ tiếng Anh.

19.207 CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU KHI CHẤP THUẬN

Không được phép lan truyền, công bố hoặc tiếp cận vào dự thảo báo cáo hoặc một phần hoặc bất cứ tài liệu thu được trong quá trình điều tra sự cố, tai nạn tàu bay mà không có sự chấp thuận của Cục Hàng không Việt Nam khi những tài liệu này chưa được ban hành hoặc công bố bởi Chính phủ Việt Nam.

MỤC II: BÁO CÁO SƠ BỘ

19.210 BÁO CÁO SƠ BỘ⁴²

Trong quá trình điều tra sự cố, tai nạn tàu bay, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm hoàn thành báo cáo sơ bộ tóm tắt những sự kiện, những quan sát và kết luận điều tra tại thời điểm báo cáo.

19.213 TAI NẠN TÀU BAY CÓ TẢI TRỌNG TRÊN 2. 50KG

Trong trường hợp tai nạn xảy ra với tàu bay có tải trọng tối đa trên 2. 50kg, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm gửi báo cáo sơ bộ đến:

- a. Quốc gia đăng ký hoặc quốc gia xảy ra tai nạn;
- b. Quốc gia Người khai thác;
- c. Quốc gia thiết kế;
- d. Quốc gia sản xuất;
- e. Bất kỳ quốc gia cung cấp thông tin liên quan, cơ sở vật chất quan trọng hoặc các chuyên gia;
- g. Tổ chức Hàng không dân dụng thế giới (ICAO).

19.215 TAI NẠN TÀU BAY CÓ TẢI TRỌNG DƯỚI 2. 50KG

Trong trường hợp tai nạn xảy ra với tàu bay có tải trọng tối đa 2. 50kg, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm gửi báo cáo sơ bộ đến:

- a. Quốc gia đăng ký hoặc quốc gia xảy ra tai nạn;
- b. Quốc gia Người khai thác;
- c. Quốc gia thiết kế;
- d. Quốc gia sản xuất;
- e. Quốc gia cung cấp thông tin liên quan, cơ sở vật chất quan trọng hoặc các chuyên gia.

19.217 GỬI BÁO CÁO ĐÚNG THỜI HẠN

Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm gửi báo cáo sơ bộ bằng fax, địa chỉ thư điện tử hoặc gửi bưu điện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra tai nạn trừ trường hợp báo cáo tai nạn, sự cố tàu bay đã được gửi vào thời gian đó.

⁴² Tên Điều này được sửa đổi theo quy định tại Mục 32 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

MỤC III: BÁO CÁO DỮ LIỆU SỰ CỐ, TAI NẠN TÀU BAY

19.220 BÁO CÁO DỮ LIỆU SỰ CỐ, TAI NẠN TÀU BAY⁴³

Trong quá trình điều tra tai nạn, sự cố tàu bay, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm hoàn thành báo cáo dữ liệu sự cố, tai nạn tàu bay theo thể thức và cách thức quy định bởi Tổ chức Hàng không dân dụng thế giới.

19.223 TAI NẠN TÀU BAY CÓ TẢI TRỌNG TRÊN 2. 50KG

Trong trường hợp tai nạn xảy ra với tàu bay có tải trọng tối đa trên 2. 50kg, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm gửi báo cáo dữ liệu tai nạn tàu bay cho Tổ chức Hàng không dân dụng thế giới trong thời gian sớm nhất có thể sau khi hoàn thành điều tra.

19.225 THÔNG TIN BỔ SUNG

Trong trường hợp được yêu cầu, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm cung cấp cho các quốc gia khác thông tin phù hợp bổ sung cho báo cáo dữ liệu tai nạn, sự cố tàu bay.

19.227 SỰ CỐ TÀU BAY CÓ TẢI TRỌNG TRÊN 5700 KG⁴⁴

Trong trường hợp sự cố xảy ra với tàu bay có tải trọng tối đa trên 5700 kg, Cục HKVN có trách nhiệm gửi báo cáo dữ liệu sự cố tàu bay cho Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế trong thời gian sớm nhất có thể sau khi hoàn thành điều tra.

MỤC IV: BÁO CÁO CHÍNH THỨC

19.230 BÁO CÁO CHÍNH THỨC⁴⁵

Trong quá trình điều tra sự cố, tai nạn tàu bay, điều tra viên chính có trách nhiệm dự thảo, phối hợp và hoàn thành báo cáo chính thức về kết quả điều tra với đầy đủ thông tin sau khi được phân tích bởi Cục HKVN, các quốc gia khác và Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế.

19.233 THAM KHẢO Ý KIẾN CÁC QUỐC GIA KHÁC

a. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm gửi dự thảo bản báo cáo chính thức cho quốc gia khởi nguồn điều tra và cho tất cả quốc gia tham gia điều tra và đề nghị sự đóng góp ý kiến trong thời gian sớm nhất.

b. Bản dự thảo báo cáo chính thức kết quả điều tra được gửi để đề nghị đóng góp ý kiến đến:

1. Quốc gia đăng ký;
2. Quốc gia Người khai thác;
3. Quốc gia thiết kế;
4. Quốc gia sản xuất.

c. Cục Hàng không Việt Nam sử dụng các phương tiện thích hợp và nhanh nhất

⁴³ Tên Điều này được sửa đổi theo quy định tại Mục 33 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

⁴⁴ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 34 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

⁴⁵ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 35 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

có thể như fax, thư điện tử, thư chuyển phát nhanh để gửi bản dự thảo đến các quốc gia này.

19.235 ĐỀ NGHỊ ĐÓNG GÓP Ý KIẾN TỪ CÁC TỔ CHỨC KHÁC

a. Cục Hàng không Việt Nam đồng thời thông qua quốc gia Người khai thác gửi bản dự thảo báo cáo chính thức đến nhà khai thác tàu bay để đề nghị nhà khai thác tàu bay đóng góp ý kiến cho bản dự thảo.

b. Cục Hàng không Việt Nam đồng thời thông qua quốc gia thiết kế và quốc gia sản xuất gửi bản dự thảo báo cáo chính thức đến các tổ chức chịu trách nhiệm thiết kế loại và quá trình lắp ráp cuối cùng để đề nghị đóng góp ý kiến cho dự thảo báo cáo chính thức.

19.237 TIẾP THU CÁC Ý KIẾN ĐÓNG GÓP⁴⁶

a. Trong trường hợp Cục HKVN nhận được ý kiến đóng góp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày gửi văn bản đề nghị đóng góp ý kiến, Cục HKVN có trách nhiệm sửa đổi bản dự thảo báo cáo chính thức để bổ sung nội dung căn bản của ý kiến đóng góp hoặc viết thêm ý kiến đóng góp theo yêu cầu của quốc gia đóng góp ý kiến.

b. Trong trường hợp Cục HKVN không nhận được ý kiến đóng góp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày gửi văn bản đề nghị đóng góp ý kiến, báo cáo chính thức sẽ được ban hành trừ khi có sự đề nghị gia hạn bởi quốc gia đó.

c. Trong quá trình điều tra, Cục HKVN có thể tham khảo ý kiến của các quốc gia khác bao gồm những quốc gia cung cấp thông tin liên quan, cơ sở vật chất quan trọng để phục vụ điều tra hoặc cung cấp các chuyên gia tham gia vào quá trình điều tra.

d. Những ý kiến đóng góp bổ sung về mặt kỹ thuật không được phép biên soạn trong báo cáo chính thức mà không có bất kỳ thỏa thuận nào đạt được.

19.240 CÁC QUỐC GIA NHẬN BÁO CÁO CHÍNH THỨC⁴⁷

Cục HKVN có trách nhiệm gửi báo cáo chính thức kết quả điều tra tai nạn trong thời gian sớm nhất có thể tới các quốc gia sau:

- a. Quốc gia khởi nguồn điều tra;
- b. Quốc gia đăng ký;
- c. Quốc gia Người khai thác;
- d. Quốc gia thiết kế;
- e. Quốc gia sản xuất;
- g. Quốc gia có công dân tử vong hoặc bị thương nghiêm trọng;
- h. Quốc gia cung cấp các thông tin liên quan, cơ sở vật chất quan trọng hoặc chuyên gia.

19.243 CÔNG BỐ BÁO CÁO CHÍNH THỨC

a. Nhằm mục đích ngăn ngừa sự tái diễn tai nạn, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm công bố báo cáo chính thức kết quả điều tra sự cố, tai nạn tàu bay trong

⁴⁶ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 36 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

⁴⁷ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 37 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

thời gian sớm nhất.

b. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm công bố báo cáo chính thức sớm nhất trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày xảy ra sự cố, tai nạn tàu bay.

c. 48 Trong trường hợp báo cáo chính thức không thể công bố trong thời hạn 12 tháng từ khi xảy ra tai nạn, Cục HKVN có trách nhiệm công bố báo cáo tạm thời vào thời gian xảy ra sự cố, tai nạn tàu bay của các năm sau đó và nêu quá trình tiến triển của cuộc điều tra và các khuyến cáo an toàn nếu có.

d. 49 Cục HKVN có trách nhiệm gửi một bản báo cáo chính thức kết quả điều tra tai nạn, sự cố tàu bay có tải trọng tối đa trên 5.700 kg cho ICAO.

19.245 KHUYẾN CÁO AN TOÀN

a. Trong quá trình điều tra sự cố, tai nạn tàu bay, điều tra viên chính có trách nhiệm đề nghị các nhà chức trách liên quan thực hiện kịp thời các hành động ngăn ngừa cần thiết để tăng cường an toàn hàng không.

b. Trong trường hợp cần thiết, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm đề xuất các khuyến cáo an toàn nằm ngoài phạm vi điều tra đến các quốc gia liên quan.

c. 50 Bên cạnh hoạt động điều tra tai nạn, sự cố tàu bay, các khuyến cáo an toàn còn có thể phát sinh từ nhiều nguồn khác nhau, trong đó bao gồm các bài học về an toàn. Trong trường hợp khuyến cáo an toàn được ban hành đến tổ chức thuộc quốc gia khác thì Cục HKVN cũng có trách nhiệm gửi khuyến cáo an toàn này cho nhà chức trách điều tra tai nạn của quốc gia đó.

d. 51 Cục HKVN có trách nhiệm lưu giữ các phản hồi đối với các khuyến cáo an toàn được ban hành đến các quốc gia liên quan.

19.247 TRƯỜNG HỢP LIÊN QUAN ĐẾN TÀI LIỆU ICAO

a. Trong trường hợp cần thiết, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm đề xuất các khuyến cáo an toàn đến ICAO nếu liên quan đến các tài liệu của ICAO.

b. Trong trường hợp báo cáo chính thức có các khuyến cáo an toàn đến ICAO do liên quan đến các tài liệu ICAO, ngoài báo cáo chính thức Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm đính kèm thư tóm tắt các hành động cụ thể đề xuất.

48 Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 38 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

49 Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 38 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

50 Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 39 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

51 Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 39 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

PHỤ LỤC I ĐIỀU 19.010: PHÂN LOẠI TAI NẠN, SỰ CỐ VÀ VỤ VIỆC AN TOÀN HÀNG KHÔNG⁵²

a. Tai nạn tàu bay (Mức A): là vụ việc liên quan đến việc khai thác tàu bay trong khoảng thời gian từ khi bất kỳ người nào lên tàu bay để thực hiện chuyến bay đến khi người cuối cùng rời khỏi tàu bay mà xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

1. Có người chết hoặc bị thương tích nặng do đang ở trong tàu bay hoặc do bị tác động trực tiếp của bất kỳ bộ phận nào của tàu bay, kể cả những bộ phận bị văng ra từ tàu bay hoặc do bị tác động trực tiếp của luồng khí phản lực thoát ra từ động cơ tàu bay, trừ trường hợp thương tổn xuất phát từ nguyên nhân tự nhiên hoặc do tự gây ra hoặc do người khác gây ra và thương tổn của hành khách không có vé trốn ở bên ngoài khu vực dành cho hành khách hoặc tổ bay. Để thống nhất trong công tác thống kê, thương tích dẫn tới tử vong trong vòng 30 ngày, kể từ ngày tai nạn được coi là thương tích chết người;

2. Tàu bay hoặc kết cấu của tàu bay bị tổn hại làm ảnh hưởng xấu đến độ bền của kết cấu, tính năng bay của tàu bay dẫn đến phải sửa chữa lớn hoặc thay thế bộ phận bị hỏng, trừ những hỏng hóc hoặc sự cố của động cơ tàu bay chỉ ảnh hưởng đến động cơ tàu bay, vỏ bọc hoặc thiết bị của động cơ tàu bay hoặc hỏng hóc chỉ ảnh hưởng đến cánh quạt tàu bay, đầu cánh tàu bay, ăng ten, lốp, phanh, bộ phận tạo hình khí động học của tàu bay hoặc chỉ là vết lõm, lỗ thủng nhỏ ở vỏ tàu bay;

3. Tàu bay bị mất tích hoặc hoàn toàn không thể tiếp cận được. Tàu bay được coi là mất tích khi cuộc tìm kiếm chính thức đã kết thúc mà vị trí của các mảnh vỡ của tàu bay vẫn không xác định được.

b. Sự cố: là vụ việc khác với tai nạn xảy ra trong quá trình khai thác tàu bay, ảnh hưởng hoặc có khả năng ảnh hưởng đến an toàn khai thác bao gồm:

1. ⁵³Sự cố nghiêm trọng (Mức B):

(i) Sự cố xảy ra với những tình huống cho thấy tai nạn gần xảy ra và gắn liền với khai thác tàu bay, xảy ra giữa thời điểm bất kỳ người nào lên tàu bay để thực hiện chuyến bay cho đến khi tất cả mọi người đã rời khỏi tàu bay.

(ii) Các sự cố nghiêm trọng được liệt kê nhưng không hạn chế tại Phụ lục II Điều 19.010 của Phần này. Tuy nhiên, tùy thuộc vào từng sự cố, những sự cố được liệt kê này có thể không xếp loại là sự cố nghiêm trọng nếu xét thấy sự tồn tại hiệu quả của các biện pháp phòng ngừa giữa sự cố và khả năng xảy ra tai nạn.

2. Sự cố nguy cơ uy hiếp an toàn cao (mức C): là các vụ việc được liệt kê trong Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3, Phụ lục 4 Điều 19.027 của Phần này với điều kiện sau:

(i) Trong hoạt động khai thác, bảo dưỡng tàu bay, sự cố mức C bao gồm một trong những sự cố sau:

A. Làm giảm khả năng cần thiết của tổ bay và các hệ thống của tàu bay để đối phó với tình huống bất lợi của sự cố gây nên suy giảm nghiêm trọng mức độ an toàn bay và khả năng làm việc của một số chức năng chính;

⁵² Phụ lục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 40 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

⁵³ Mục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 5 Phụ lục X sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 56/2018/TT-BGTVT ngày 11 tháng 12 năm 2018, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 01 năm 2019

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 18

B. Làm tăng đáng kể khối lượng công việc của tổ bay để đối phó với tình thế, làm suy giảm hiệu quả làm việc của tổ bay, gây hoang mang, lo sợ cho tổ bay và hành khách hoặc gây thương tích nhẹ;

C. Gây hỏng hóc lớn cho tàu bay hoặc ô nhiễm nặng đối với môi trường nhưng chưa phải là sự cố nghiêm trọng;

D. Nguyên nhân của vụ việc hoặc hậu quả hỏng hóc đối với tàu bay, hệ thống và trang thiết bị tàu bay do sự cố gây ra không thể xác định hoặc khắc phục bằng các quy trình khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa nằm trong hệ thống tài liệu khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay do Cục HKVN phê chuẩn dẫn đến phải dừng khai thác tàu bay quá 96 giờ (không kể trường hợp đổi khí tài thay thế) hoặc các hỏng hóc giống nhau trên cùng một thiết bị, hệ thống của tàu bay dẫn đến việc phải áp dụng lần thứ 2 quy trình khẩn nguy tương tự trong thời gian 07 ngày khai thác liên tục.

(ii) Trong lĩnh vực hoạt động bay, sự cố mức C bao gồm một trong các sự cố sau:

A. Ảnh hưởng lớn đến hoạt động bay và ảnh hưởng đến an toàn bay dẫn đến tàu bay gần va chạm với nhau nhưng chưa phải là sự cố nghiêm trọng;

B. Khoảng cách thực tế giữa tàu bay và mặt đất hoặc chướng ngại vật bị vi phạm nhưng lớn hơn hoặc bằng 50% và nhỏ hơn 80% giá trị khoảng cách an toàn;

C. Phân cách giữa các tàu bay (không có xu hướng đối đầu) bị vi phạm nhưng lớn hơn hoặc bằng 50% và nhỏ hơn 80% giá trị phân cách tối thiểu;

D. Nguyên nhân của vụ việc cần phải kiểm tra, xác minh và cần phải áp dụng các biện pháp xử lý và biện pháp tăng cường an toàn.

(iii) Trong lĩnh vực cảng hàng không sân bay: Sự cố mức C bao gồm gây hư hỏng kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay; phương tiện, trang thiết bị hoạt động trong khu bay hoặc gây uy hiếp an toàn cho người, phương tiện hoạt động trên khu bay, ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn khai thác tàu bay.

3. Sự cố nguy cơ uy hiếp an toàn (mức D): các vụ việc được liệt kê trong Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3, Phụ lục 4 Điều 19.027 của Phần này với điều kiện:

(i) Trong hoạt động khai thác, bảo dưỡng tàu bay, sự cố mức D bao gồm một trong các sự cố sau:

A. Vụ việc có ảnh hưởng đến an toàn bay nhưng chưa đến mức độ uy hiếp an toàn cao, mọi hành động xử lý tình huống đều nằm trong khả năng của tổ bay;

B. Vụ việc này có thể làm giảm mức độ an toàn bay hoặc khả năng hoạt động của một số chức năng và có làm tăng (không nhiều) khối lượng công việc của tổ bay như phải thay đổi kế hoạch hoặc phương thức bay;

C. Vụ việc có thể gây khó chịu cho tổ bay, hành khách hoặc hỏng hóc nhỏ cho tàu bay. Tuy nhiên, sau khi xảy ra sự cố hậu quả hỏng hóc gây ra đối với tàu bay, hệ thống hoặc thiết bị tàu bay được khắc phục bằng các quy trình khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa nằm trong hệ thống tài liệu khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay do Cục HKVN phê chuẩn và tàu bay có thể được tiếp tục khai thác bình thường;

(ii) Trong lĩnh vực hoạt động bay, sự cố mức D bao gồm một trong các sự cố sau:

A. Khoảng cách thực tế giữa tàu bay và mặt đất hoặc chướng ngại vật bị vi phạm nhưng lớn hơn hoặc bằng 80% giá trị khoảng cách an toàn;

B. Phân cách giữa các tàu bay (không có xu hướng đối đầu) bị vi phạm nhưng lớn hơn hoặc bằng 80% giá trị phân cách tối thiểu;

C. Có ảnh hưởng đến hoạt động bay và an toàn bay nhưng chưa đến mức độ theo phân loại mức C, các hành động xử lý tình huống đều nằm trong khả năng kiểm

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 18

soát của cơ sở điều hành bay và tổ lái. Hoạt động bay, công tác điều hành bay được tiến hành bình thường nhưng cần phải tiến hành, đánh giá rủi ro an toàn;

(iii) Trong lĩnh vực cảng hàng không sân bay: Sự cố mức D bao gồm vụ việc phương tiện va chạm với phương tiện hoặc với người; sự cố làm ảnh hưởng đến kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay có khả năng ảnh hưởng đến an toàn hàng không.

4. Vụ việc (mức E): các vụ việc không uy hiếp trực tiếp đến an toàn được liệt kê trong Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3, Phụ lục 4 Điều 19.027 của Phần này, có tính chất như sau:

(i) Không ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn hoặc không gây khó khăn cho tổ bay trong quá trình bay tiếp theo sau khi xảy ra sự cố. Sau khi xảy ra sự cố, hậu quả hỏng hóc gây ra đối với tàu bay, hệ thống hoặc thiết bị tàu bay được khắc phục bằng các quy trình khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa nằm trong hệ thống tài liệu khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay do Cục HKVN phê chuẩn và tàu bay có thể được tiếp tục khai thác bình thường;

(ii) Có ảnh hưởng đến hoạt động bay và chưa ảnh hưởng đến an toàn bay hoặc là kết quả sau khi xem xét đánh giá, giảm mức độ của sự cố mức D;

(iii) Có ảnh hưởng đến quá trình cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay nhưng không ảnh hưởng đến an toàn hàng không;

(iv) Các báo cáo vụ việc này mang tính chất cung cấp thông tin thống kê, nhằm đánh giá rủi ro tiềm ẩn, đưa ra các khuyến cáo an toàn mang tính chất phòng ngừa.

PHỤ LỤC 2 ĐIỀU 19.010: DANH MỤC CÁC SỰ CỐ NGHIÊM TRỌNG⁵⁴

a. Tàu bay gần va chạm với nhau phải thực hiện thao tác tránh nhau nên không bị va chạm hoặc tránh được tình huống nguy hiểm; phân cách thực tế giữa các tàu bay nhỏ hơn 50% giá trị phân cách tối thiểu.

b. Tàu bay va chạm với nhau hoặc va chạm với các phương tiện, trang thiết bị mặt đất hoặc chướng ngại vật nhưng chưa phải là tai nạn.

c. Điều khiển tàu bay vào khu vực địa hình vượt quá giới hạn an toàn tối thiểu và phải thực hiện thao tác để tránh.

d. Hủy việc thực hiện cất cánh trên đường CHC đang đóng; đường CHC đang bị chiếm dụng; trên đường lăn hoặc không đúng đường CHC được chỉ định.

đ. Cất cánh trên đường CHC đang đóng; đường CHC đang bị chiếm dụng; trên đường lăn; hoặc không đúng đường CHC được chỉ định.

e. 55 Hạ cánh hoặc thử hạ cánh trên đường CHC đang đóng hoặc đang bị chiếm dụng, đường CHC không được chỉ định hoặc những vị trí ngoài ý muốn như đường bộ.

g. Hạ cánh quá đường CHC hoặc xông ra ngoài đường CHC.

h. Hỏng hóc dẫn đến tàu bay không đạt tính năng dự kiến trong quá trình cất cánh hoặc lấy độ cao ban đầu.

i. Cháy hoặc có khói trong buồng lái, khoang hành khách, buồng hàng hoặc cháy động cơ kể cả trường hợp đã được dập tắt bằng chất dập lửa.

k. Vụ việc khẩn nguy buộc tổ lái phải sử dụng ô-xy khẩn nguy.

⁵⁴ Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Mục 41 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

⁵⁵ Mục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điểm a Mục 6 Phụ lục X sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 56/2018/TT-BGTVT ngày 11 tháng 12 năm 2018, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 01 năm 2019

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 18

l. Hư hỏng cấu trúc phải sửa chữa lớn hoặc động cơ bị tách rời nhưng chưa đến mức tai nạn.

m. Nhiều hư hỏng xảy ra với một hoặc nhiều hệ thống của tàu bay ảnh hưởng nghiêm trọng đến điều khiển tàu bay.

n. ⁵⁶Người lái tàu bay mất khả năng làm việc trong thời gian tàu bay đang bay:

1. Đối với chuyến bay khai thác với một người lái;

2. Đối với những chuyến bay khai thác với nhiều người lái mà việc an toàn bay bị ảnh hưởng bởi sự tăng trưởng đáng kể của khối lượng công việc cho những thành viên còn lại.

o. Không đủ nhiên liệu buộc tổ lái tuyên bố tình trạng khẩn nguy.

p. Tàu bay gần va chạm với nhau, với các phương tiện hoặc con người trên đường CHC.

q. Hỏng hóc các hệ thống, các hiện tượng thời tiết khác thường hoặc khai thác tàu bay vượt giới hạn được phê chuẩn hoặc các tình huống gây khó khăn cho điều khiển tàu bay.

r. ⁵⁷Hạ cánh với còi hoặc bánh tàu bay không được thả mà không được phân loại là một tai nạn.

s. ⁵⁸Kéo lê trong quá trình hạ cánh tại đầu cánh tàu bay, động cơ hoặc bất kì bộ phận khác của tàu bay mà không được phân loại là một tai nạn.

⁵⁶ Mục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điểm b Mục 6 Phụ lục X sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 56/2018/TT-BGTVT ngày 11 tháng 12 năm 2018, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 01 năm 2019

⁵⁷ Mục này được bổ sung theo quy định tại Điểm c Mục 6 Phụ lục X sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 56/2018/TT-BGTVT ngày 11 tháng 12 năm 2018, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 01 năm 2019

⁵⁸ Mục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điểm c Mục 6 Phụ lục X sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 56/2018/TT-BGTVT ngày 11 tháng 12 năm 2018, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 01 năm 2019

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 19.023. MẪU BÁO CÁO SỰ CỐ TÀU BAY

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**

CAAV Form 14B
Số đăng ký của Cục HKVN:
Nhập số báo cáo



BÁO CÁO SỰ CỐ

Phòng Tiêu chuẩn An toàn bay,
Cục Hàng không Việt Nam,
Tổ ASICA,
119 Nguyễn Sơn, Long Biên, Hà Nội, Việt Nam.
Email: asica@caa.gov.vn
Fax: 04.38271933 Tel: 04.38272291
Vui lòng hoàn thành và báo cáo trực tuyến hoặc gửi bản in tới địa chỉ trên.

Bạn đang quan tâm về tính bảo mật của báo cáo này và muốn được liên lạc trước khi nó được xử lý? Nếu vậy, hãy đảm bảo bạn cung cấp cho chúng tôi liên lạc của bạn chi tiết.

Giữ bí mật : Có Không

LOẠI TÀU BAY VÀ MẪU MÃ Nhập loại tàu bay mẫu mã	SỐ ĐĂNG KÝ Số đăng ký	NGÀY XẢY RA (dd/mm/yyyy) Chọn ngày	THỜI GIAN UTC (HH:MM) 00:00	NGÀY <input type="checkbox"/>
NHÀ KHAI THÁC Tên nhà khai thác	ĐỊA ĐIỂM XẢY RA SỰ CỐ Nơi xảy ra vụ việc, sự cố		ĐÊM <input type="checkbox"/>	CHẶNG VẠNG TỚI <input type="checkbox"/>

SỐ CHUYẾN BAY	NOI XUẤT PHÁT	NOI ĐẾN	ĐỘ CAO BAY (FT)	TỐC ĐỘ BAY (KTS)	IFR <input type="checkbox"/>	TCAS RA		ETOPS	
					VFR <input type="checkbox"/>	CÓ <input type="checkbox"/>	KHÔNG <input type="checkbox"/>	CÓ <input type="checkbox"/>	KHÔNG <input type="checkbox"/>

MỤC ĐÍCH CHUYẾN BAY LỰA CHỌN	GIẢI ĐOẠN BAY LỰA CHỌN
---------------------------------	---------------------------

CHI TIẾT VỀ MÔI TRƯỜNG										
GIÓ		MÂY		LƯỢNG MƯA	ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHÁC				TÌNH TRẠNG ĐƯỜNG BĂNG	
HƯỚNG	TỐC ĐỘ (Kt)	DẠNG	CAO (ft)	LỰA CHỌN	TẦM NHÌN	BĂNG	NHIỀU ĐỘNG	OAT (°C)	LỰA CHỌN	
				LỰA CHỌN	KM <input type="checkbox"/> NM <input type="checkbox"/>	LỰA CHỌN	LỰA CHỌN		CAT	LỰA CHỌN

TÓM TẮT VỤ VIỆC, SỰ CỐ Tóm tắt vụ việc sự cố

MÔ TẢ CHI TIẾT

Các quy trình, tài liệu liên quan (AMM, AD, SB...) liên quan trực tiếp đến sự cố và tình trạng tuần thủ của tàu bay, thiết bị hoặc tài liệu của tàu bay.

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 18

BÁO CÁO CỦA NHÂN VIÊN MẶT ĐẤT											
SỐ XUẤT XƯƠNG CỦA TÀU BAY	LOẠI ĐỘNG CƠ VÀ SỐ XUẤT XƯƠNG	PHÊ CHUẨN ETOPS		TÌNH TRẠNG TÀU BAY			TỔ CHỨC BẢO DƯỠNG DIỆN THOẠI:				
		CÓ <input type="checkbox"/>	KHÔNG <input type="checkbox"/>	BẢO DƯỠNG <input type="checkbox"/>							
		PHỤC VỤ TÀU BAY <input type="checkbox"/>			KHÔNG CÓ NGƯỜI <input type="checkbox"/>						
THIẾT BỊ/ BỘ PHẬN		NHÀ SẢN XUẤT		SỐ QUY CÁCH (P/N)			SỐ XUẤT XƯƠNG (S/N)				
TÀI LIỆU THAM CHIẾU				TỔ CHỨC BẢO DƯỠNG SỬA CHỮA/ ĐẠI TU THIẾT BỊ							
TỔ CHỨC, NGƯỜI BÁO CÁO VÀ SỐ PHÊ CHUẨN				HỌ & TÊN			CHỨC VỤ				
NGÀY (dd/mm/yyyy)											
Nếu báo cáo mang tính chất tự nguyện (hoặc không phải báo cáo bắt buộc) các thông tin có thể được ông bỏ vì mục đích an toàn?	CÓ <input type="checkbox"/>	Địa chỉ và số điện thoại (nếu người báo cáo muốn được liên hệ cá nhân)			Ghi chú 1: Đề nghị bổ sung thông tin như phần dưới nếu có. Ghi chú 2: Nếu sự cố có liên quan đến thiếu sót thiết kế và chế tạo, thì nhà chế tạo cũng phải được thông báo kịp thời. Ghi chú 3: Trong trường hợp được quy định, báo cáo của sự cố còn phải được gửi trực tiếp tới nhà chức trách sân bay hoặc các cơ quan hữu quan khác có liên quan như sân bay, điều hành bay.....						
	KHÔNG <input type="checkbox"/>										
ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC BÁO CÁO TỒ CHỨC BÁO CÁO NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI MỨC ĐỘ/ BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC/KIẾN NGHỊ ĐỀ NGĂN NGŨA											
KHAİ THÁC TÀU BAY				SỐ LIỆU ĐỘNG CƠ/ THIẾT BỊ				Y KIẾN NHÀ CHẾ TẠO			
	TỔNG	GIỜ TỪ ĐẠI TU	TỬ ĐỊNH KỲ LẦN CUỐI		TỔNG	GIỜ TỪ ĐẠI TU	TỬ ĐỊNH KỲ LẦN CUỐI	CÓ <input type="checkbox"/>	KHÔNG <input type="checkbox"/>		
GIỜ CHU TRÌNH LẦN CÁT/HẠ CẢNH				GIỜ CHU TRÌNH LẦN CÁT/HẠ CẢNH							
TỔ CHỨC EMAIL:			DIỆN THOẠI:	SỐ BÁO CÁO		BẢO CÁO		ĐIỀU TRA SỰ CỐ		SỐ LIỆU BAY TỬ HỘP ĐEN	
			FAX:		MỚI <input type="checkbox"/>	BỔ SUNG <input type="checkbox"/>	KHÔNG <input type="checkbox"/>	ĐÃ KẾT THÚC <input type="checkbox"/>	CHƯA KẾT THÚC <input type="checkbox"/>	KHÔNG <input type="checkbox"/>	CÓ <input type="checkbox"/>
HỌ & TÊN			CHỨC VỤ				DIỆN THOẠI				
EMAIL							NGÀY BÁO CÁO (dd/mm/yyyy)				

Trang 2

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 19.027. BÁO CÁO BẮT BUỘC KHAI THÁC BAY

a. Sự cố, vụ việc xảy ra trong quá trình khai thác tàu bay bao gồm:

1. Nguy cơ va chạm:

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 18

- i. Nguy cơ va chạm với tàu bay khác, mặt đất hoặc các phương tiện khác hoặc trong tình huống không an toàn cần áp dụng các biện pháp tránh va chạm;
 - ii. Khi bắt buộc phải thực hiện các cơ động cần thiết để tránh va chạm với tàu bay, mặt đất hoặc với các phương tiện khác;
 - iii. Các động tác để tránh các tình huống mất an toàn.
2. Sự cố, vụ việc trong quá trình cất, hạ cánh bao gồm hạ cánh theo kế hoạch hoặc hạ cánh bắt buộc như:
 - i. Sự cố xông quá đường băng;
 - ii. Cất cánh, hủy bỏ cất cánh hoặc hạ cánh vào đường băng không được sử dụng hoặc đang sử dụng bởi tàu bay khác hoặc hạ cánh nhầm đường băng;
 - iii. Sự cố xông ra ngoài đường băng.
 3. Không đạt được tính năng dự kiến trong quá trình cất cánh hoặc lấy độ cao.
 4. Lượng nhiên liệu còn ít hoặc không có khả năng chuyển nhiên liệu hoặc không thể sử dụng hết được lượng nhiên liệu có thể sử dụng.
 5. Mất điều khiển một phần hoặc tạm thời vì bất kỳ lý do nào.
 6. Sự cố, vụ việc xảy ra tại thời điểm bằng hoặc lớn hơn vận tốc V1 gây ra hoặc có thể dẫn đến tình huống nguy hiểm hoặc nguy hiểm tiềm ẩn như hủy bỏ cất cánh, đập đuôi, mất công suất động cơ...
 7. Có thể gây ra tình huống nguy hiểm hoặc nguy hiểm tiềm ẩn trong khi bay lại vòng hai.
 8. Sai lệch ngoài ý muốn về tốc độ bay, hướng bay hoặc độ cao bay (lớn hơn 300ft) vì bất kỳ nguyên nhân nào.
 9. Hạ độ cao thấp hơn độ cao quyết định (DH) hoặc độ cao hạ cánh tối đa cho phép mà không phát hiện được điểm tham chiếu chuẩn bằng mắt quy định.
 10. Không xác định được vị trí thực của tàu bay hoặc vị trí của tàu bay so với các tàu bay khác.
 11. Giám đoạn liên lạc giữa các thành viên tổ lái hoặc giữa tổ lái và các bộ phận khác như tiếp viên, kiểm soát không lưu, nhân viên kỹ thuật.
 12. Hạ cánh thô hoặc hạ cánh mà sau đó việc tiến hành kiểm tra sau khi hạ cánh thô là cần thiết.
 13. Lệch nhiên liệu vượt quá giới hạn cho phép.
 14. Đặt sai mã của ra-da giám sát thứ cấp hoặc bảng chia độ của đồng hồ đo cao.
 15. Lập chương trình sai, cập nhật sai các tham số hoặc sử dụng các tham số không chính xác cho các thiết bị của hệ thống dẫn đường hoặc tính toán đặc tính hoạt động.
 16. Tiếp nhận hoặc diễn giải không chính xác các tin nhắn qua hệ thống vô tuyến.
 17. Hỏng hóc hoặc hoạt động sai chức năng của hệ thống nhiên liệu có ảnh hưởng đến việc cung cấp và phân phối nhiên liệu.
 18. Tàu bay có xu hướng lệch ra ngoài đường cất cánh hoặc đường lăn ngoài ý muốn trong quá trình cất, hạ cánh và khi lăn trên mặt đất.
 19. Va chạm giữa tàu bay với tàu bay khác, phương tiện và các vật thể khác trên mặt đất.
 20. Hoạt động không chính xác hoặc ngoài ý muốn của hệ thống điều khiển.
 21. Không đạt được tính năng của tàu bay theo tính toán trong bất cứ giai đoạn nào của hành trình bay.

22. Nguy hiểm hoặc nguy hiểm tiềm ẩn xảy ra như là hậu quả của việc tạo tình huống hỏng hóc trong quá trình huấn luyện, kiểm tra hệ thống hoặc cho mục đích huấn luyện.

23. Hiện tượng rung lắc bất bình thường.

24. Hoạt động của các hệ thống cảnh báo quan trọng dẫn đến phải thực hiện các cơ động tương ứng của tàu bay, trừ khi:

i. Tổ lái đưa ra khẳng định các cảnh báo đó là cảnh báo giả (ghi trong nhật ký chuyến bay) và cảnh báo giả đó không gây ra khó khăn hoặc nguy hiểm cho tổ bay trong quá trình xử lý các hỏng hóc đó;

ii. Cảnh báo được tạo giả nhằm mục đích huấn luyện hoặc kiểm tra hệ thống.

25. Có hiện tượng cảnh báo của hệ thống cảnh báo địa hình, cảnh báo gần mặt đất (EGPWS/TAWS) khi:

i. Tàu bay tiếp cận mặt đất thấp hơn kế hoạch bay đã định sẵn hoặc theo tính toán;

ii. Cảnh báo xuất hiện trong điều kiện bay bằng thiết bị (IMC) hoặc khi trời tối và cảnh báo này được gây ra do tốc độ hạ độ cao quá lớn (Mode 1);

iii. Cảnh báo xuất hiện từ việc càng hoặc cánh tà chưa thả theo chế độ tương ứng tại điểm cần thiết trong quá trình tiếp cận hạ cánh (Mode 4);

iv. Mọi khó khăn hoặc nguy hiểm xảy ra hoặc đã có thể xảy ra (không duy trì được dẫn cách ngang theo quy định đối với đường bay khác) do tổ lái phải xử lý các loại cảnh báo có thể là cảnh báo thật, cảnh báo giả hoặc cảnh báo gây khó chịu cho tổ lái.

26. Có khó khăn hoặc nguy hiểm xuất hiện hoặc có thể xuất hiện sau khi tổ lái có hành động phản ứng cảnh báo EGPWS/TAWS.

27. Báo động tránh va chạm trên không.

28. Sự cố nổ do phản lực và lực đẩy gây ra hỏng hóc nghiêm trọng hoặc thương tích nguy hiểm.

29. Hạ cánh nhầm sân bay.

b. Các trường hợp khẩn cấp bao gồm:

1. Cháy, nổ, khói hoặc khói độc kể cả khi lửa đã được dập tắt.

2. Việc người lái hoặc tiếp viên phải sử dụng các quy trình ngoại lệ để đối phó trường hợp khẩn cấp khi:

i. Có quy trình nhưng không được sử dụng;

ii. Không có quy trình;

iii. Có quy trình nhưng chưa hoàn thiện hoặc không phù hợp;

iv. Quy trình không đúng;

v. Quy trình đúng nhưng không được tuân thủ.

3. Quy trình không được thiết lập đầy đủ để áp dụng trong trường hợp khẩn cấp, kể cả khi được sử dụng trong trường hợp bảo dưỡng, huấn luyện và mục đích kiểm tra.

4. Trường hợp dẫn đến phải thoát hiểm khẩn cấp.

5. Mất hệ thống điều chỉnh áp suất trong khoang khách.

6. Việc sử dụng thiết bị khẩn cấp hoặc các quy trình khẩn cấp cần thiết để đối phó với tình huống xảy ra trong khi bay.

7. Các tình huống dẫn tới việc phải công bố tình trạng khẩn cấp (MAYDAY hoặc PAN).

8. Hỏng hóc của hệ thống hoặc thiết bị khẩn cấp kể cả các cửa và đèn thoát hiểm được phát hiện trong quá trình khai thác, bảo dưỡng và kể cả khi được dùng vào mục đích kiểm tra huấn luyện.

9. Tình huống yêu cầu tổ lái phải sử dụng khẩn cấp các thiết bị ô-xy.
- c. Các trường hợp tổ bay mất khả năng làm việc bao gồm:
1. Sự mất khả năng làm việc của thành viên tổ lái kể cả những vấn đề xảy ra trước khi khởi hành nếu có nguy cơ gây mất khả năng làm việc của tổ bay trong quá trình bay sau đó.
 2. Tiếp viên mất khả năng làm việc và không thể thực hiện được chức năng thoát hiểm quan trọng.
- d. Các trường hợp có người bị thương tích bao gồm các sự cố, vụ việc đã hoặc có thể gây ra thương tích cho hành khách hoặc tổ bay nhưng chưa đến mức được coi là tai nạn.
- e. Các trường hợp do nguyên nhân thời tiết:
1. Bị sét đánh gây ra hỏng hóc cho tàu bay, mất hoặc hoạt động không đúng chức năng của các hệ thống chính (hiển thị tham số bay, điều khiển, động cơ, thông tin liên lạc, dẫn đường...).
 2. Khi gặp mưa đá và gây ra hỏng hóc cho tàu bay, mất hoặc hoạt động không đúng chức năng của các hệ thống chính.
 3. Vào vùng nhiễu động mạnh và gây ra thương tích cho người tham gia chuyến bay hoặc phải thực hiện công việc kiểm tra tàu bay sau khi vào vùng nhiễu động mạnh.
 4. Vào khu vực có gió cạnh mạnh.
 5. Vào khu vực có băng gây khó khăn cho việc điều khiển, hỏng hóc của tàu bay, mất hoặc hoạt động sai chức năng của các chức năng chính.
- g. Các trường hợp vì lý do an ninh bao gồm:
1. Can thiệp bất hợp pháp vào tàu bay kể cả việc đe dọa dùng bom hoặc cướp tàu bay;
 2. Có khó khăn trong việc kiểm soát người say rượu, bạo lực hoặc hành khách không chấp hành quy định;
 3. Phát hiện người đi bất hợp pháp trên tàu bay.
- h. Các trường hợp khác bao gồm:
1. Các sự cố, vụ việc cụ thể cùng hiện tượng lặp lại nhiều lần, tuy không được coi là sự cố cần phải báo cáo nhưng vì hiện tượng lặp lại nhiều lần và có thể gây ra khả năng uy hiếp an toàn bay;
 2. Bị chim va đập và gây ra hỏng hóc cho tàu bay, mất hoặc hoạt động sai chức năng của các hệ thống, thiết bị chính;
 3. Các sự cố, vụ việc khác được coi là đã gây mất an toàn hoặc có thể gây ra mất an toàn cho tàu bay, người trên tàu bay hoặc trên mặt đất.

PHỤ LỤC 2 ĐIỀU 19.027: BÁO CÁO BẤT BUỘC KỸ THUẬT TÀU BAY

- a. Các sự cố, vụ việc liên quan đến cấu trúc tàu bay bao gồm:
1. Hỏng hóc của các chi tiết thuộc cấu trúc chính không được coi là cấu trúc có khả năng chịu đựng hỏng hóc. Chi tiết thuộc cấu trúc chính là các cấu trúc chịu tải chính trong khi bay, trên mặt đất và tải chênh lệch áp suất do việc tăng áp buồng kín gây ra. Hỏng hóc của các chi tiết này có thể dẫn đến tai nạn của tàu bay;
 2. Hỏng hóc vượt quá giới hạn cho phép của chi tiết thuộc cấu trúc chính được coi là cấu trúc có khả năng chịu đựng hỏng hóc;

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 18

3. Hư hại hoặc hỏng hóc của các chi tiết kết cấu vượt quá các giới hạn cho phép và có thể làm giảm độ bền của kết cấu làm mất khả năng triệt tiêu rung mạnh, khuyết tán hoặc mất các giới hạn điều khiển dự phòng;

4. Hỏng hóc cấu trúc của các chi tiết kết cấu có thể dẫn đến việc tách rời các bộ phận nặng gây thương tích cho người tham gia chuyến bay;

5. Hỏng hóc cấu trúc của các chi tiết kết cấu làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của các hệ thống khác;

6. Mất một số chi tiết thuộc cấu trúc tàu bay trong quá trình bay.

b. Các sự cố, vụ việc liên quan đến hệ thống của tàu bay bao gồm:

1. Mất, hoạt động sai chức năng nghiêm trọng hoặc hỏng hóc của hệ thống hoặc hệ thống phụ hoặc một số thiết bị dẫn đến việc không thể thực hiện được các quy trình theo SOP.

2. Tổ lái mất khả năng điều khiển hệ thống:

i. Hoạt động không tuân theo điều khiển của tổ lái;

ii. Phản hồi sai hoặc không hoàn toàn theo điều khiển, bao gồm cả các giới hạn chuyển động hoặc bị kẹt cứng;

iii. Chuyển động các bánh lái, cánh tà (trước và sau), tấm cản lưng, mảnh điều chỉnh lớn hơn so với tín hiệu điều khiển;

iv. Bị ngắt cơ học hoặc hỏng hóc.

3. Hỏng hóc hoặc hoạt động sai chức năng của một hay nhiều chức năng đặc biệt của hệ thống (một hệ thống có thể đảm nhiệm nhiều chức năng).

4. Có sự tác động ảnh hưởng trong hoặc giữa các hệ thống.

5. Hỏng hóc hoặc hoạt động sai chức năng của các thiết bị bảo vệ hoặc hệ thống khẩn cấp liên quan đến hệ thống.

6. Mất chức năng dự phòng của hệ thống.

7. Sự cố dẫn đến các hoạt động ngoài chế độ tính toán của hệ thống.

8. Đối với các loại tàu bay mà các hệ thống chính, hệ thống thứ cấp chính hoặc các thiết bị chính chỉ có duy nhất một bộ: mất hoặc hoạt động sai chức năng hoặc hỏng hóc của một trong những hệ thống chính, hệ thống thứ cấp chính hoặc bộ thiết bị đó.

9. Đối với dạng tàu bay có nhiều hệ thống chính độc lập, hệ thống thứ cấp chính hoặc nhiều bộ thiết bị (có cùng chức năng): mất hoặc hoạt động sai chức năng hoặc hỏng hóc của từ 02 hệ thống chính, hệ thống thứ cấp chính hoặc bộ thiết bị trở lên.

10. Hoạt động của các hệ thống cảnh báo mức 1 (Warning - mức 1, Cautionary - mức 2, Advisory - mức 3) liên quan đến các hệ thống của tàu bay hoặc thiết bị, trừ khi có kết luận chính thức của tổ lái về cảnh báo là giả và khẳng định cảnh báo giả đó không gây khó khăn hoặc không có nguy hiểm cho tổ lái trong việc đối phó với tình huống.

11. Cháy dầu thủy lực, dầu đốt, dầu nhờn hoặc các loại chất lỏng khác có thể gây nguy cơ cháy hoặc nguy cơ hỏng hóc cấu trúc tàu bay, hệ thống hoặc thiết bị, hoặc nguy hại cho hành khách và thành viên tổ bay.

12. Hoạt động sai chức năng của hệ thống hiển thị tham số bay dẫn đến khả năng cung cấp tham số bay không chính xác cho người lái.

13. Tất cả các hỏng hóc hoặc hoạt động sai chức năng xảy ra trong các giai đoạn chính của chuyến bay (chạy đà, cất hạ cánh, lầy và giảm độ cao hoặc khi tiếp cận hạ cánh) và liên quan đến hoạt động của hệ thống.

14. Sự thiếu hụt quan trọng về tính năng thực tế của hệ thống so với tính năng đã được phê chuẩn, có thể gây ra tình huống nguy hiểm (kể cả độ chính xác của

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 18

phương pháp tính toán các tính năng đó) bao gồm cả trong quá trình sử dụng hệ thống phanh, tiêu hao nhiên liệu...

15. Mất đồng bộ của hệ thống điều khiển, như hệ thống cánh tà trước, cánh tà sau ...

c. 59 Các sự cố, vụ việc liên quan đến hệ thống tạo công suất (động cơ, cánh quạt và hệ thống truyền động của trục thăng) bao gồm:

1. Không có sự đốt trong buồng đốt, tắt máy trên không hoặc hoạt động sai chức năng của một trong các động cơ;

2. Quá tốc độ vòng quay hoặc không có khả năng điều khiển tốc độ vòng quay của các bộ phận có tốc độ vòng quay lớn như: động cơ phụ (APU), máy khởi động khí của động cơ, tuốc-bin làm mát của hệ thống điều hoà, mô tơ tuốc-bin khí, cánh quạt hoặc cánh quay trục thăng;

3. Hỏng hóc hoặc hoạt động sai chức năng của các bộ phận của động cơ hoặc thiết bị tạo công suất dẫn đến một trong các trường hợp sau:

(i) Không có khả năng bao bọc các mảnh vỡ của thiết bị khi bị phá hủy (thiết bị);

(ii) Mất khả năng báo và dập cháy trong, cháy ngoài hoặc bị hờ khí nóng; Chiều lực đẩy cần thiết không theo điều khiển của tổ bay;

(iii) Hệ thống tạo lực đẩy ngược (hệ thống thổi ngược) không hoạt động hoặc hoạt động ngoài ý muốn;

(iv) Mất khả năng điều khiển công suất, lực đẩy hoặc vòng quay;

(v) Hư hại hoặc hỏng hóc cấu trúc treo động cơ;

(vi) Mất một phần hoặc toàn bộ của bộ phận chính của thiết bị tạo công suất;

(vii) Khó nhìn thấy bằng mắt hoặc các chất độc hại có thể gây bất tỉnh cho tổ bay và hành khách;

(viii) Không tắt được động cơ khi áp dụng các quy trình tắt máy thông thường;

(ix) Không khởi động lại được động cơ khi động cơ ở tình trạng tốt.

4. Mất, thay đổi hoặc dao động công suất, lực đẩy ngoài ý muốn do không điều khiển được công suất, lực đẩy của động cơ:

(i) Đối với tàu bay có một động cơ;

(ii) Khi được coi là quá mức cho phép áp dụng;

(iii) Khi điều này có thể ảnh hưởng đến nhiều động cơ trên tàu bay có 2 động cơ trở lên, đặc biệt trong trường hợp tàu bay có 2 động cơ;

(iv) Khi tình huống được coi là nguy hiểm và nghiêm trọng đối với tàu bay có 2 động cơ cùng loại trở lên.

5. Hỏng hóc của bộ phận, thiết bị có thọ mệnh (Life Limited Parts) hoặc được kiểm soát theo thời gian (Hard Time Controlled Parts) dẫn đến việc phải thay bộ phận, thiết bị đó trước thời hạn quy định.

6. Các hỏng hóc cùng nguyên nhân có thể gây nên tỷ lệ tắt máy trên không cao đến mức có khả năng hai động cơ (trở lên) cùng tắt máy trên không trong một chuyến bay.

7. Các bộ phận giới hạn hoặc thiết bị kiểm soát động cơ không hoạt động khi cần thiết hoặc hoạt động ngoài ý muốn.

⁵⁹ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 42 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 18

8. Vượt quá ngưỡng cho phép của các tham số động cơ.
9. Va chạm với vật ngoại lai gây hư hại cho động cơ, cánh quạt và bộ truyền chuyển động.
 - d. ⁶⁰Các sự cố, vụ việc liên quan đến cánh quạt và truyền chuyển động bao gồm:

1. Hư hại hoặc hoạt động sai chức năng của các bộ phận cánh quạt hoặc bộ phận tạo công suất gây nên một trong số các trường hợp sau:

- (i) Quá tốc độ vòng quay của cánh quạt;
- (ii) Sinh ra lực cản lớn quá mức cho phép;
- (iii) Tạo chiều lực đẩy ngược lại với điều khiển của tổ lái;
- (iv) Văng cánh quạt hoặc bộ phận quan trọng của cánh quạt ra ngoài;
- (v) Hỏng hóc gây nên mất cân bằng vượt quá mức cho phép;
- (vi) Chuyển động ngoài ý muốn của lá cánh quạt thấp hơn vị trí biến cự nhỏ nhất cho phép (theo từng chế độ làm việc của động cơ) trong khi bay;
- (vii) Không có khả năng xuôi lá cánh quạt;
- (viii) Không có khả năng điều khiển biến cự cánh quạt;
- (ix) Thay đổi biến cự cánh quạt ngoài ý muốn;
- (x) Mất kiểm soát mô men xoắn (torque) và giao động tốc độ vòng quay;
- (xi) Các bộ phận chuyển động năng lượng thấp bị văng ra ngoài.

2. Hư hại hoặc hỏng hóc của hộp truyền động cánh quạt chính, hộp truyền động của động cơ có thể dẫn đến việc tách rời các bộ phận cánh quạt hoặc hoạt động sai chức năng của điều khiển cánh quạt.

3. Hư hại phần cánh quạt đuôi của trục thẳng, hệ thống truyền động và các hệ thống tương tự.

e. ⁶¹Các sự cố, vụ việc liên quan đến động cơ phụ bao gồm:

1. Tắt máy hoặc hỏng hóc của động cơ phụ (APU) khi mở rộng tầm khai thác đối với tàu bay hai động cơ (ETOPs) hoặc theo yêu cầu của danh mục thiết bị tối thiểu (MEL);

2. Không tắt được động cơ phụ (APU);

3. Quá tốc độ vòng quay động cơ phụ (APU);

4. Không khởi động được động cơ phụ (APU) khi có nhu cầu vì lý do khai thác (khai thác ETOPS hoặc khai thác theo MEL với máy phát của APU dự phòng).

g. ⁶²Các sự cố, vụ việc liên quan đến yếu tố con người bao gồm:

1. Mọi sự cố vì lý do thiết kế tàu bay chưa hoàn thiện có thể dẫn đến lỗi trong khai thác, sử dụng và có thể gây nên tình trạng nguy hiểm hoặc tai nạn.

h. ⁶³Các sự cố, vụ việc khác bao gồm:

⁶⁰Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 42 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

⁶¹Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 42 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

⁶²Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 42 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

⁶³Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 42 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 18

1. Sự cố thông thường không thuộc danh mục sự cố phải báo cáo (như sự cố đối với hệ thống thiết bị phục vụ hành khách, thiết bị khoang khách, nước sử dụng trên tàu bay...) nhưng trên thực tế đã gây mất an toàn cho tàu bay, hành khách và thành viên tổ bay;
2. Cháy, nổ, khói hoặc hơi độc hoặc có hại;
3. Mọi trường hợp khác có thể gây mất an toàn cho tàu bay hoặc ảnh hưởng đến an toàn của hành khách, thành viên tổ bay hoặc của người hoặc tài sản xung quanh tàu bay ở trên mặt đất;
4. Hư hại hoặc hỏng hóc của hệ thống thông báo hành khách dẫn đến mất chức năng hoạt động của hệ thống thông báo hành khách;
5. Ghé phi công mất khả năng điều chỉnh trong khi bay.

PHỤ LỤC 3 ĐIỀU 19.027: BÁO CÁO BẮT BUỘC BẢO DƯỠNG TÀU BAY⁶⁴

- a. Lắp ráp sai các bộ phận hoặc thiết bị của tàu bay được phát hiện trong quá trình kiểm tra hoặc thực hiện các quy trình thử nghiệm không theo kế hoạch nhằm phát hiện việc lắp ráp sai đó.
- b. Rò rỉ khí nóng dẫn đến hư hại cấu trúc tàu bay.
- c. Hỏng hóc của các thiết bị có kiểm soát thọ mệnh dẫn đến nhu cầu thay thế thiết bị đó trước thời hạn.
- d. Hư hỏng và tình trạng xuống cấp (rạn, nứt, rỉ sét, tách lớp hoặc mất kết dính – disbonding...) vì bất cứ lý do gì (rung, mất độ cứng vật liệu hoặc hư hỏng về kết cấu...) của:
 1. Kết cấu chính hoặc các bộ phận kết cấu khung sườn chính (theo như quy định trong tài liệu hướng dẫn sửa chữa kết cấu khung sườn do nhà chế tạo quy định SRM) khi những hư hỏng hoặc tình trạng xuống cấp của các kết cấu chính này vượt quá giới hạn cho phép của tài liệu SRM và phải sửa chữa hoặc thay thế toàn bộ hoặc một bộ phận của các kết cấu đó;
 2. Kết cấu phụ có thể gây hậu quả mất an toàn cho tàu bay;
 3. Động cơ, cánh quạt hoặc hệ thống cánh quay.
- e. Các hư hỏng, hoạt động sai chức năng, hỏng hóc của hệ thống hoặc thiết bị, hư hỏng hoặc tình trạng xuống cấp được phát hiện trong quá trình thực hiện tuân thủ các thông báo kỹ thuật bắt buộc (AD), hướng dẫn kỹ thuật bắt buộc cho từng loại tàu bay khi:
 1. Được phát hiện lần đầu trong quá trình thực hiện thông báo kỹ thuật bắt buộc;
 2. Trong các lần thực hiện chỉ lệnh kỹ thuật bắt buộc sau đó phát hiện chúng vượt quá giới hạn cho phép quy định trong tài liệu hướng dẫn hoặc chưa có quy trình sửa chữa tương ứng.
- g. Hỏng hóc của các hệ thống hoặc thiết bị khẩn cấp bao gồm các cửa và đèn thoát hiểm để thực hiện chức năng thoát hiểm khẩn cấp, kể cả khi hỏng hóc được phát hiện trong quá trình bảo dưỡng hoặc kiểm tra hoạt động của thiết bị hoặc hệ thống đó.
- h. Không tuân thủ hoặc vi phạm nghiêm trọng các quy trình bảo dưỡng theo yêu cầu.

⁶⁴ Phụ lục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 43 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

i. Tai nạn lao động xảy ra trong quá trình bảo dưỡng tàu bay.

k. Sản phẩm tàu bay (tàu bay, động cơ, cánh quạt), các bộ phận, thiết bị hoặc vật liệu chưa rõ ràng hoặc bị nghi ngờ về nguồn gốc xuất xứ.

l. Các tài liệu bảo dưỡng, quy trình sai, không đầy đủ hoặc thậm chí hướng dẫn nhầm có thể gây ra các lỗi trong công tác bảo dưỡng.

m. Hư hại, hoạt động sai chức năng hoặc hỏng hóc của thiết bị mặt đất được sử dụng để kiểm tra chức năng hoạt động của các hệ thống và thiết bị của tàu bay nhằm phát hiện các vấn đề mà quy trình kiểm tra và thử nghiệm thông thường không phát hiện được, khi chúng (các hư hại, hoạt động sai chức năng hoặc hỏng hóc của thiết bị mặt đất) có thể gây ra mất an toàn cho tàu bay.

PHỤ LỤC 4 ĐIỀU 19.027: BÁO CÁO BẮT BUỘC ĐỐI VỚI ĐIỀU HÀNH BAY VÀ CÁC DỊCH VỤ MẶT ĐẤT⁶⁵

a. Sự cố gần va chạm (bao gồm các trường hợp tàu bay và một tàu bay khác, mặt đất, phương tiện, con người hoặc vật thể được thấy ở vị trí quá gần nhau):

1. Vi phạm tiêu chuẩn phân cách tối thiểu;
2. Không đủ giãn cách theo quy định;
3. Điều khiển tàu bay gần với mặt đất;
4. Xuyên nhập đường băng trong trường hợp cần thiết áp dụng thao tác tránh nhau.

b. Nguy cơ va chạm hoặc gần va chạm (bao gồm các trường hợp có nguy cơ xảy ra tai nạn hoặc gần va chạm, khi tàu bay khác đang ở gần):

1. Xuyên nhập đường băng trong trường hợp không cần thiết áp dụng thao tác tránh nhau;

2. Tàu bay xông ra ngoài đường băng;
3. Tàu bay sai lệch so với huấn lệnh của cơ sở điều hành bay;
4. Tàu bay sai lệch so với quy tắc điều hành bay:
 - (i) Sai lệch so với phương thức điều hành bay đã công bố;
 - (ii) Đi vào không phận khi chưa được phép;
 - (iii) Sai lệch của thiết bị liên quan ATM, theo quy định phù hợp.

c. Sự cố, vụ việc liên quan đến trang thiết bị hệ thống quản lý bay (bao gồm các trường hợp khả năng cung cấp an toàn dịch vụ điều hành bay bị ảnh hưởng, bao gồm cả trường hợp hoạt động khai thác an toàn tàu bay không bị nguy hại). Bao gồm các tình huống sau:

1. Không có khả năng cung cấp dịch vụ quản lý bay:
 - (i) Dịch vụ điều hành bay;
 - (ii) Dịch vụ quản lý không phận;
 - (iii) Dịch vụ quản lý luồng giao thông không phận.
2. Hư hỏng hệ thống thông thoại vô tuyến;
3. Hư hỏng hệ thống giám sát;
4. Hư hỏng chức năng truyền và phân phối dữ liệu;
5. Hư hỏng chức năng điều hành bay;
6. An ninh hệ thống quản lý bay;

⁶⁵ Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Mục 44 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

7. Một số trường hợp cụ thể như sau:

(i) Cung cấp không đủ, không chính xác hoặc có nhầm lẫn thông tin từ các nguồn từ mặt đất như kiểm soát không lưu, dịch vụ thông tin sân bay tự động (ATIS), thông tin thời tiết, cơ sở dữ liệu dẫn đường, bản đồ, đồ thị và các tài liệu hướng dẫn...);

(ii) Cung cấp giãn cách so với mặt đất thấp hơn quy định;

(iii) Cung cấp không chính xác số liệu khí áp tham chiếu (như đặt độ cao khí áp);

(iv) Truyền, nhận và hiểu sai các huấn luyện quan trọng dẫn đến tình huống nguy hiểm;

(v) Vi phạm phân cách tối thiểu;

(vi) Đi vào không phận khi chưa được phép;

(vii) Truyền thông thoại vô tuyến trái pháp luật;

(viii) Hỏng hóc của các trang thiết bị thuộc hệ thống dẫn đường trên mặt đất hoặc vệ tinh;

(ix) Hư hỏng nghiêm trọng của hệ thống kiểm soát, quản lý không lưu hoặc khi có sự xuống cấp nghiêm trọng của cơ sở hạ tầng của sân bay;

(x) Sự xuất hiện của vật ngoại lai (foreign damage debris) trên khu vực khai thác bay của cảng hàng không sân bay;

(xi) Khu vực sân bay, đường lăn, đường cất hạ cánh bị tắc nghẽn do tàu bay, phương tiện xe cơ giới, động vật hoặc các vật ngoại lai có thể gây tình trạng mất an toàn;

(xii) Lỗi cảnh báo hoặc cảnh báo chưa đầy đủ về vật cản hoặc nguy hiểm trên khu vực sân bay, đường lăn, đường cất hạ cánh có thể gây tình trạng mất an toàn;

(xiii) Hư hỏng hoặc hoạt động sai chức năng của hệ thống chiếu sáng sân bay hoặc không có hệ thống chiếu sáng sân.

d. Hư hỏng nghiêm trọng của hệ thống dẫn đường và thông thoại thuộc hệ thống kiểm soát không lưu.

đ. Tàu bay đã hoặc có thể bị nguy hiểm do nhân viên mặt đất (kiểm soát không lưu, điều phái viên, nhân viên bảo dưỡng...) gây hư hỏng.

e. Hệ thống kiểm soát không lưu bị quá tải.

g. Sự hư hỏng hoặc bị tắt đột ngột của hệ thống máy tính chính kiểm soát không lưu, dẫn đến việc chuyển thủ công qua nguồn dự phòng và làm gián đoạn tình trạng lưu thông bình thường của các tàu bay.

h. Trào quá nhiều dầu đốt (nhiên liệu) trong quá trình nạp dầu.

i. Nạp không đúng lượng dầu đốt (nhiên liệu) có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng chịu tải, đặc tính, cân bằng hoặc độ bền kết cấu của tàu bay.

k. Quy trình phá băng, phòng chống đóng băng trên mặt đất không đạt yêu cầu.

l. Sự ô nhiễm, làm bẩn nghiêm trọng kết cấu khung sườn, các hệ thống hoặc thiết bị của tàu bay trong quá trình vận chuyển hành lý hoặc hàng hoá.

m. Việc sắp xếp tải (hành khách, hành lý hoặc hàng hoá) sai có ảnh hưởng quan trọng đến trọng tâm, trọng tải của tàu bay.

n. Việc sắp xếp sai hành lý hoặc hàng hoá (kể cả hành lý xách tay) có thể gây mất an toàn cho tàu bay, thiết bị tàu bay, hành khách và thành viên tổ bay hoặc cản trở việc thoát hiểm trong trường hợp khẩn cấp.

o. Sắp xếp các công-ten-nơ hàng hoá hoặc các hàng hoá lớn, công kênh không đúng quy định.

p. Sự cố do vận chuyển hàng nguy hiểm trái với quy định khai thác.

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 18

q. Hư hại, hoạt động sai chức năng hoặc hỏng hóc của thiết bị mặt đất được sử dụng để kiểm tra chức năng hoạt động của các hệ thống và thiết bị của tàu bay nhằm phát hiện các vấn đề mà quy trình kiểm tra và thử nghiệm thông thường không phát hiện được, khi chúng (các hư hại, hoạt động sai chức năng hoặc hỏng hóc của thiết bị mặt đất) có thể gây ra mất an toàn cho tàu bay.

r. Không tuân thủ hoặc có lỗi trong việc tuân thủ với các quy trình phục vụ mặt đất.

s. Nạp lên tàu bay dầu đốt hoặc các loại chất lỏng khác không đúng chủng loại hoặc bị nhiễm bẩn.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 19.029:(*được bãi bỏ*)⁶⁶

⁶⁶ Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại Mục 45 Phụ lục XIV sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 19 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.